NĂM THỨ TƯ — Số 140 Thứ năm 27 Avril 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Xung quanh vấn đề « Lập ngôn » — *Hoa-Bằng*
* Tùy hứng — *Đầu-Tiếp — Bà Vân-Đài Song-Cối*
* Đại-nam dật-sự (XXVIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Dịch thơ Đường — *Trúc-Khê*
* Lý-thường-Kiệt — *Ứng-Hòe*
* Trung ngôn : Sử bút đời nay ! — *Trãi-Quan*
* Hai bài văn xuất-xứ ở đâu ? — *Từ Ngọc*
* Văn học Việt-Nam hiện đại (1900-1940) (II) — *Lê-Thanh*
* Dấu cũ chuyện xưa — *Tiên-Đàm — Nguyễn-Huỳnh*
* Những ông nghè triều Lê (LXXIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Chảy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXII) — *Chu-Thiên*

Tòa báo : 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm 18$00 — 6 tháng 9$50 — 3 tháng 5$00 — Mỗi số 0$40

Xung-quang vấn-đề « LẬP-NGÔN »

HOA-BẰNG

Đời Trần (1225-1400) rất thận trọng đối với vấn đề cho in sách vở : phàm các thơ văn trong nước, không cứ của ai, đều phải chịu chung một chế-độ : có được nhà vua hạ chỉ chuẩn y mới được phép in và phát hành. Chứng cớ ấy tôi thấy ở trong lời tựa của Hoàng Đức-Lương tiên-sinh, người đời Hồng-đức (1470-1497) đề ở đầu cuốn *Trích diễm thi tập : « Trần-thi, thi văn vị đắc chỉ, bất cảm san hành »* (1).

Nghề làm sách thường phải đi đôi với thuật ấn-loát. Nếu thuật ấn-loát không tinh-xảo, không phát đạt thì Triều-đình dù có hết sức khuyến-khích, thả lỏng cho các ngòi bút được tự-do đi nữa nhưng nghề làm sách chưa chắc đã dễ tấn tới được. Cớ dễ hiểu là một khi tác-giả cặm-cụi hì-hụi, vò đầu bóp trán hàng mấy năm hoặc mười mười lăm năm mới làm xong được bộ sách, rồi lại để mục trong tủ vì khó tìm phương-thế để in ra được thì ai còn dám nhúng vào một việc « dã-tràng » ấy nữa ?

Có lẽ vì thấy rõ chỗ nhu-yếu ấy, nên cụ Lương-Như-Hộc đã làm được một việc có công lớn với phương-diện văn-hóa nước nhà.

Nguyên Lương Như-Hộc là người làng Hồng-lục, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, đỗ thám-hoa khoa nhâm-thìn đời Lê Đại-bảo (1440-1442). Hai lần đi sứ Trung-quốc, Lương có để ý quan sát nghề khắc mộc-bản của người Tàu. Khi đi sứ về, Lương dạy người làng học làm nghề ấy để khắc các bản kinh, sử, in và phát hành ra đời. Rồi người làng Liễu-tràng, tổng Thạch-khôi, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải dương cũng học được nghề khắc gỗ, nên người làng này rất nổi tiếng về nghề làm mộc-bản từ bấy đến giờ. Về sau, người làng Liễu-tràng lập đền, thờ Lương làm tiên sư (2).

Nhờ có nghề ấn-loát của Tàu nhập cảng vào nước ta từ đó, nên việc trước thư lập ngôn càng ngày càng thịnh-đạt thêm.

Trải các triều đại, nhiều khi công-cuộc trước-thuật cũng được Triều-đình tưởng-lệ, chẳng hạn như việc Phan Huy-Chú tiên-sinh (1781-1840) làm bộ *Lịch-triều hiến-chương* đăng-đẳng hàng 11 năm (1809-1820), đến năm Minh-mạng nguyên-niên (1820), dâng sách ấy lên vua Thánh-tổ, tác-giả được thưởng :

30 lạng bạc,
1 chiếc áo sa,
30 ngọn bút tàu,
30 thỏi mực tàu (3)

Có điều đáng tiếc là, hồi đầu niên-hiệu Minh-mạng, trong nước đang hưởng thái-bình, mà tác-giả *Lịch-triều hiến-chương* còn sống, sao đương thời không cho khắc ngay bộ sách rất có giá-trị ấy để truyền rộng ra đời, để giúp cho đời sau một món tài-liệu rất quí về sử-học, văn học, và để tránh cái nạn tam sao thất bản như bây giờ vì sách ấy đến nay vẫn chỉ có những bản chép tay.

***

Đến khi tiếp xúc Âu-tây, nước ta lại thêm nghề in hoạt-bản nữa.

Một khi chữ quốc-ngữ đã thịnh-hành và phương-thuật ấn loát đã tiện lợi, lẽ tất nhiên công việc làm sách cũng do đó mà tiến lên.

Các bậc tiền-khu của ta, trong khi mới cũ giáp hạt, rất để ý đến việc làm sách, dịch sách, nên đã lớn tiếng hô-hào cổ-động từ năm 1907.

Ngày 15 tháng sáu, năm đinh-mùi (1907), các ông Đỗ-văn-Tâm, Trần-văn-Thông, Lương-văn-Can, Nguyễn Liên, Đỗ Thận, Bùi đình-Tá, Đào-văn-Sử, Phạm-văn-Hữu, Phạm-xuân-Tuyết, Hàn-thái-Dương và Nguyễn-văn-Vĩnh có làm một tờ đạt cổ động việc lập *Hội Dịch sách, Bắc-kỳ*, mục-đích là « để dịch ra tiếng bản-quốc các sách hay của Đại Pháp và của nước Tàu. »

Qua ngày 26 tháng sáu ta ấy (chủ-nhật, 4 août, 1907), Hội Dịch sách đó nhóm hội-đồng lâm-thời (4) ại hội quán Trí-tri, số 59, phố Hang Quạt, Hà-nội. Ông Nguyễn văn-Vĩnh, chủ bút *Đăng cổ tùng báo*, có đọc một bài diễn văn, trong có những chỗ cốt yếu như:

«...*bây giờ những người học được các sách hay của ngoại quốc, mà cố dem tiếng bản-quốc dịch ra rõ được ít nào hay chút ấy, thì người xem đến, dẫu không biết được hết nghĩa, nhưng cũng vỡ được đại khái, khi đã có nhiều người nghe phang phác được cái tư-tưởng của người ta, rồi lúc bấy giờ có mượn những tư-tưởng ấy mà làm ra sách nôm ta thì mới có nhiều người hiểu..*»

Rồi diễn-giả lại nói chặn trước về công việc Hội sẽ làm:

«...*Chúng tôi cũng biết rằng sách dịch ra bây giờ, đời sau là có người chê, nhưng có thể mới gọi là tiến bộ, chúng tôi cũng sẽ thỏa lòng rằng: mình đã có cắm nêu lên trước, cho nên mới có kẻ theo hút sau..*»

Sau, chứng theo đuổi công-việc ấy, ông Vĩnh có ra được tủ sách «Âu tây tư tưởng» và ông Phan Kế-Bính có làm được những sách như truyện đức Trần Hưng-đạo và truyện *Nam-hải dị-nhân*, v. v.

***

Ngày 18 tháng 9 năm Khải-định thứ 2 (1917), vua Khải-Định có ra một đạo Dụ khuyên trước thư lập ngôn nguyên văn bằng chữ hán, ông Tiếng-Chú dịch ra quốc văn, trước có đăng trên *Nam-phong*, nay có in trong *Thượng chi văn tập, II* (5), trang 73-75 Giờ xin trích ra dây ít câu để góp thêm tài liệu vào vấn-đề này:

«...*hễ ai tự thủa sinh bình, sẵn tài kinh tế, chuẩn cho linh nghĩ phương-lược, làm thế nào cho dân được giàu thịnh, nước được văn minh, của nước dồi-dào, giao lân hòa-mục để vui-vẻ đón lấy cái hạnh phúc lâu dài, và phàm có nghề gì, nghiệp gì, làm ích lợi về sự gì, hay là làm ra sách gì, có phương-châm, có yếu-điểm, để dạy bảo dân ta, hậu sinh lợi dụng, chuẩn cho dâng bày phương sách, xem thử tài-năng, nếu quả là hợp thời, rồi sẽ ban thưởng ban quan cho xứng đáng..*»

Vì đạo Dụ này, nên có vài chục trong văn-học giới và nhiều người ở đương-thời hoặc được đương buồm bể bạn, rộng bước đường mây, hoặc được ân tứ hàn-lâm, thấm nhuần mưa móc

***

Cổ lệ tuy là phận-sự của nhà đương đạo, nhưng lập chí là phần việc của sĩ-phu. May, rủi cùng, đạt tuy là số ngộ riêng của từng người, nhưng văn-chương nào sống với thời-gian mới đáng gọi là «bất tử».

HOA-BẰNG

1) *Nghĩa là đời Trần, phàm thơ văn chưa được nhà vua xuống chỉ-dụ cho phép thì không được khắc in và lưu hành*

2) Theo Hải-Đường phong vật chí nguyên văn bằng chữ hán của Trần Đạm-trai, làm năm tân mùi, niên-hiệu Gia long thứ 10 (1811).

3) *Xin coi lại bài «Phan Huy-Chú với bộ Lịch triều hiến chương» đăng trong T. T. số 55, trang 3.*

4) *Bữa hội đồng này có hơn 300 người tới dự*

5) *Đắc lộ thư xã, Hà-nội, xuất bản, 1944.*

HÁT NÓI

Chim én vào thuyền

Hồ-nam phiêu bạt

Bóng thiều quang qua mắt mấy lần rồi?
Ờ ờ! lần này nữa là hai,
Kìa con én, lại tha bùn làm tổ!
Vườn cũ, xưa vào từng biết chủ (1),
Đường xa, nay cũng kiếm ra người!
Khá thương thay cái kiếp chim trời,
Đến đâu cũng lui cui làm tổ.
Đời vô-định, rày đây mai đó,
Gẫm thân kia, nào có khác thân này!
Một lá thuyền, mặt nước chân mây,
Rày có bạn, cũng khuây niềm cố lí.
Trên cột buồm, Chim ca vui nhỉ!
Ủa! vì sao: chưa mấy tỉ, đã tung bay?
Vẫy-vùng hoa nước một mầy,
Để ai riêng đỗ bên này lối Chim!
Sẵn buồn, thôi lại buồn thêm!

ĐAU-TIẾP

(Theo Đỗ Phủ) (2)

1.— Nói chim én xưa đã vào nhà mình.

2.— Nguyên-văn: *Hồ-nam vi khách động kinh xuân, Yến tử hàm nê lưỡng độ tân. Cựu nhập cố-viên tầng thức chủ, Như kim xã-nhật viễn khan nhân. Khả lân xứ-xứ sào cư-thất, Hà dị phiêu-phiêu thác thử thân? Tạm ngự thuyền tường hoàn khởi khứ, Xuyên hoa lạc thủy ích triêm cân.*

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 28 Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TO

XXI. — Vương-Thức

Những đô hộ hoặc kinh-lược ở Tàu sang về kỳ Bắc thuộc thứ năm, trên hết có Triệu-Xương là người có công-đức với nước với dân, đến nay hãy còn có làng thờ làm thành-hoàng, thứ đến Trương-Chu, Lý-nguyên Gia, cũng là người có công với thành Đại-la, Mã-Tổng Mã Thực là người thanh-liêm giản-dị, dân được nhờ ơn. Lại có người bắt quân-sĩ làm khó nhọc, như Bùi-Thái bị đuổi, tham-lam độc-ác, như Lý-lượng-Cổ bị giết. Ngoài ra như Hàn-ước, Vũ Hồn đều bị chạy về châu Quảng, Quế-trọng-Vũ, Bùi-nguyên-Dụ, là người không có việc gì đáng kể, tôi đã lược qua ở mấy bài trên.

Nay lại có một người tên là Vương-Thức, cũng có thể ngang với Triệu-Xương mà để tiếng nghìn năm.

Nguyên kinh-lược Bùi-nguyên-Dụ đánh đuổi quân Nam-chiếu vào năm 846; Mười năm sau châu Giao thường mắc nạn biên-giới, cho nên đến tháng tư năm thứ 11 hiệu Đại-trung (857), vua Đường Tuyên tông cho chức Hữu-can Ngưu-Vệ đại-tướng-quân là Chu-Nhai thăng làm An-nam đô-hộ kinh-lược-sứ. Chưa đầy một năm, lại về châu Quảng (*Khâm-định*, Tiền biên, q. 4, tờ 36 a và 36 b).

Đến tháng giêng năm thứ 12 hiệu Đại-trung (858), vua Đường cho Vương-Thức sang làm An-nam đô-hộ kinh-lược-sứ.

Vương-Thức là con tể-tướng Vương-Khởi người tỉnh Thái-nguyên bên Tàu, đỗ khoa hiền-lương phương-chính, trong hiệu Đại-trung (847-859) làm thứ-sử châu Tấn, có đến vài ba nghìn dân phiêu-lưu nhờ ông mà được sống, được tiếng khen là người có thiện-chính, thăng làm An-nam đô-hộ.

Đô-hộ trước là Điền-Hạn làm lũy bằng gỗ, hàng năm phải thu tiền của dân; làm như thế, đã không xong, mà mỗi kỳ thu, lại phải đi đốc-thúc mới được. Đến Vương-Thức lấy hẳn tiền thuế một năm, đi mua thứ gỗ thích-mộc, giồng quanh khắp 12 đặm, tha những thuế ngoại-phụ hằng năm, để dân được thư-thái, đào hào buộc lũy, ở ngoài lại giồng tre gai, cướp không thể vào được. Sau Man-binh đến cướp ở bến Cẩm-điền, Vương-Thức sai người thông dịch hiểu-dụ. Có một đêm quân Man đi hết, sai người đến tạ rằng: Chúng tôi tự đến bắt nhưng quân làm phản của chúng tôi; không phải làm giặc đâu ». (Trên này dịch theo *Khâm-định*, Tiền-biên, q 4, tờ 36 b 37 a, dẫn *Đường-thư*).

Đại-việt sử ký, tiền-biên, (q 6, tờ 13 b 14 a), *Sử ký toàn-thư* (q. 5, tờ 8 b và 9 a), *Việt-kiều-thư* (q. 4, tờ 10 b) và *An-nam chí nguyên* (q. 2, trang 160) lại chép hơi khác như sau này:

Vương-Thức là người có tài-lược, đến phủ giồng thứ gỗ thích-mộc làm lũy, vì gỗ ấy có thể bền được vài mươi năm, ở ngoài đào hào sâu để cho nước trong thành chảy ra, trên giồng tre gai, trộm cướp không thể vào được. Lại tuyển những quân lính tinh-nhuệ. Cách ít lâu có Nam-man kéo đại-quân đến, đóng đồn ở bến Cẩm-điền, cách phủ thành châu Giao độ nửa ngày, Vương-Thức vẫn điềm-nhiên, sai thông dịch đến dụ, bày tỏ điều lợi hại. Rồi một đêm quân Man kéo đi hết sai người tạ rằng: « Chúng tôi tự bắt quân làm phản chúng tôi, không phải làm giặc đâu ».

Lại khi Vương-Thức đến phủ, có chức đô-hiệu (cũng như đô-tướng) là La-hành-Cung chuyên quyền chính-phủ đã lâu, quân huy-hạ của Cung có đến 2000 tinh-binh, mà quân trong phủ đô-hộ chỉ độ vài trăm quân gầy-còm? Thức đến nói kể tội rồi đánh Hành-Cung và truất không cho làm quan nữa.

Trước đời Vương-Thức (không rõ năm nào), Lý Trác làm đô-hộ, độc-ác tham-lam, lấy một đấu muối đổi một con trâu, dân trong châu không chịu nổi, liên-kết với tướng Nam-Chiếu là Đoàn-tù Thiên vào cướp Phủ đô-hộ, gọi là Bạch-y một-mệnh-quân (tức như quân cảm-tử bây giờ.) Trác lại giết tù-trưởng của người Nam là Đỗ-tồn-Thành, các bọn khác nổi lên oán giận, dẫn Nam-Chiếu vào cướp biên giới, từ bấy giờ Giao-châu mới có cái nạn quấy nhiễu ngoài biên. Đến đây (tức là tháng 5, năm 858) Quân Man vào ăn cướp, Vương Thức đánh đuổi được.

(*Xem tiếp trang 21*)

DỊCH THƠ ĐƯỜNG

TRÚC-KHÊ

羌村
Khương thôn

峥嵘赤雲西
Tranh vanh xích vân tây
日脚在平地
Nhật cước tại bình địa
柴門鳥雀噪
Sài môn điểu tước táo
歸客千里至
Quy khách thiên lý chí
妻孥怪我在
Thê nọa quái ngã tại
驚定還拭淚
Kinh định hoàn thức lệ
世亂遭飄蕩
Thế loạn tao phiêu đãng
生還偶然遂
Sinh hoàn ngẫu nhiên tụy
鄰人滿牆頭
Lân nhân mãn tường đầu
感歎亦歔欷
Cảm thán diệc khư hỷ
夜闌更秉燭
Dạ lan cảnh bỉnh chúc
相對如夢寐
Tương đối như mộng mỵ

ĐỖ PHỦ

Thống chế Pétain đã nói :

Môn chính trị, môn chính-trị chân chính vừa là một khoa-học, vừa là một nghệ thuật. Mục đích chính trị là làm cho dân lộc thịnh vượng, cho văn-hóa rực rỡ, cho tổ-quốc trường tồn. Môn chính-trị là một phương pháp thống trị nhân dân hợp với quyền-lợi chung và lối cao của họ.

GIẢI THÍCH

Cuối đời Thiên-bảo, An-Lộc-Sơn nổi loạn, vào chiếm kinh thành Trường-an, vua Huyền-tôn phải chạy vào Thục. Sau Hoàng thái tử lên ngôi ở đất Linh-võ, tức là vua Túc-tôn. Đỗ-Phủ bấy giờ cùng với gia-quyến ở Khương thôn thuộc về Lộc-châu, nghe được tin tân quân mới lập, bèn từ giã vợ con, đi lên đến nơi hành-tại. Không ngờ giữa đường bị giặc bắt, phải hãm mất mấy tháng giời. Mãi sau Đỗ mới lại trốn được đến Linh-võ ; Túc-tôn cho ông làm chức Tả Thập-di. Trong khi ấy vợ con ở nhà cùng quẫn khổ sở, có vài người con nhỏ đến nỗi chết vì đói khát. Vua Túc-tôn nhân cho ông được phép về thăm.

Bài thơ ấy ông làm khi về Khương-thôn cùng vợ con gặp mặt : Chênh vênh mây đỏ ở dãng phía tây, tia mặt giời như những cái chân chỉ xuống mặt đất, đó là cảnh tượng lúc mặt giời sắp lặn. Cửa sài chim kêu dìu dít, khách xa chợt từ ngoài xông vào. Vợ con đều ngạc nhiên thấy ta lẫy còn, ban đầu thì giật mình, sau mới định thần lên đưa tay lên gạt nước mắt. Đời loạn gặp bước nổi trôi, sự sống về bỗng chốc thỏa lòng mơ ước. Xóm giềng đều nghển cổ đầy cả đầu tường ngó sang, ai cũng cảm động phàn nàn và ca thán. Đêm khuya trong nhà còn đốt đèn lôi-lọi, nhìn nhau bâng-khuâng tưởng chừng như gặp gỡ trong giấc chiêm-bao.

Bài này người ta khen mỗi chữ mỗi lời như trạm khắc cả gan ruột ra, tình cảm linh động như nhảy múa ở trên mặt giấy.

DỊCH RA THƠ
Khương thôn

Mây đỏ ngất ngàn tây,
Tia nắng chỉ xuống đất.
Cửa sài chim kêu ran,
Khách xa về lật đật.
Vợ con lạ ta còn,
Mừng rỡ ứa nước mắt.
Đời loạn trôi giạt đi,
Bỗng chốc trông thấy mặt.
Hàng xóm nghển đầu tường,
Than-thở tiếng thưa nhặt.
Đêm khuya quanh dưới đèn,
Nhìn nhau mộng hay thật ?

TRÚC KHÊ *dịch*

Hộp thư

Một độc giả đã gửi về tòa báo 18 $ bằng ngân phiếu số 044565-075 mà không đề tên và địa chỉ.

Vị nào đã gửi ngân phiếu xin cho tòa báo biết ngay để tiện việc vào sổ.

LÝ-THƯỜNG-KIỆT

Ưng-hòa NGUYỄN-VAN-TỐ

Tạp-chí *Văn mới*, số 26 và 27, ra ngày 25 1-1944, in một tập đề là *Lý thường-Kiệt Bắc phạt*, ông Nguyễn-tế-Mỹ biên-khảo; sách dày 150 trang, khổ rộng một bề 11 phân tây và một bề 18 phân.

Văn mới viết một bài ở đầu sách, đề là *Lời tòa soạn*, trong có câu: « ... Những hành động của người anh-hùng ở thời xưa không thể làm kiểu mẫu cho hành động của người ở thời nay được ». *Văn mới* nói câu ấy nhầm; vì đã gọi là anh-hùng, tức là bậc tài giỏi, có chí-khí hơn người, thì việc làm tất đường-đường chính-chính, không có một việc gì khuất-khúc; nếu cậy có tài mà làm việc khuất-khúc, thì là gian-hùng, chứ không phải anh-hùng. Ở thời nào cũng vậy, những việc làm chính đáng, cần phải học theo, sao lại nói « không thể làm kiểu-mẫu... được »?

Văn mới cắt nghĩa thêm một câu rằng: « Nói khác đi, những hành động quá vãng ấy chỉ còn một giá trị lịch sử chứ không phải một giá trị thực tại ». Câu ấy dịch theo lối văn tây, sợ người không học chữ tây không hiểu; đại-để nghĩa là: những việc làm của bậc anh-hùng đời trước, chỉ còn chép ở trong sử, chứ không đem ra mà làm vào thời nay được. Nghĩa như thế, thật thà quá: ai lại không biết việc giồng cọc ở sông Bạch-đằng của Hưng-đạo-vương, việc làm chòi ở dinh Bồ-đề để dòm giặc của Lê Thái tổ, không thể bắt-chước mà làm vào thời nay được? Nhưng chí-khí của những bậc anh-hùng ấy là yêu nước cứu dân, như Hưng-đạo vương nói « Trước chặt đầu tôi, sau hãy hàng giặc » (*Khâm-định Việt sử*, q. 8, tờ 33 b), rồi bày mưu lập kế, đánh lại quân Nguyên, không chịu mất một tấc đất nào. Lê Thái-Tổ nói « Trượng phu ở đời, nên dẹp nạn lớn, lập công to,... việc gì cứ khu-khu làm đầy tớ người? » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 13, tờ 1 b), rồi thu-dụng hào-kiệt, chiêu-dụ lưu-dân, đánh đuổi người Minh ra khỏi đất nước. Ấy cái chí-khí của bậc anh-hùng thời xưa là thế, đáng làm gương cho thời nay; còn đến việc làm thì mỗi thời mỗi khác, nhưng tinh-thần vẫn giống nhau. Đem gương các bậc đời xưa làm cho sáng thêm ra, chính là một việc cần, không những là dễ cho người khác nhớ ơn người xưa, lại còn để làm kiểu-mẫu nữa.

Đến mấy lời của ông Nguyễn-tế-Mỹ là tác-giả quyển sách này cũng nhầm, lại có ý thiên nữa. Ông nói rằng: « Ta sẽ đổi được vĩ-nhân sử thành dân-tộc sử để chứng tỏ rằng sự hưng thịnh, hùng cường của một quốc-gia, nhờ dân trí tiến hóa hơn là nhờ thủ đoạn siêu-việt của một thiểu số cá-nhân, cho dẫu cá nhân ấy là Lý-thường-Kiệt, Trần-quốc-Tuấn, Lê Lợi hay Nguyễn-Huệ »! Sao ông lại nói « đổi được vĩ-nhân sử thành dân-tộc sử »? Việc nhà làm sử là cố khôi-phục lấy sự thực, tìm tài-liệu cho đủ, phê-phán cho chính-đáng, chứ không quyền gì đổi được sử này ra sử khác? Giá đổi được thì không phải là khách-quan nữa, vì khách-quan là thấy thế nào chép thế, chỉ khó là ở chỗ tìm sao cho đủ tài-liệu, hiểu sao cho hết sự thực, rồi nghị-luận cho xác-đáng, việc dù hay dù dở, cứ thế mà chép, không nên vin vào thuyết này thuyết khác mà chép thiên cho một bên. Ở đây ông Nguyễn-tế-Mỹ theo thuyết dân-chủ; ông dựa vào sách nào, mà bảo là « sự hưng-thịnh, hùng cường... nhờ dân trí », chứ không phải nhờ « một thiểu số cá-nhân »? Tôi dám chắc rằng ông không dẫn sách nào ra làm chứng được, vì không sách nào chép như thế, mà xã-hội đời xưa chuyên theo một chế-độ là chế-độ tôn-ty, nước thì có vua tôi, nhà thì có cha con, bao giờ cũng có trật-tự. Vả lại, không cứ nước ta, hiện nay các nước dân-chủ bên Âu Mĩ, dù là văn-minh đến cực-điểm, dân-trí cao đến tột bực, cũng phải có người cầm đầu, tức là có trật-tự; thế mà ông Nguyễn-tế-Mỹ lại nói « ... hơn là nhờ ... một thiểu số cá nhân, ... dẫu là Lý-thường-Kiệt... », như thế không những là có tội với các bậc anh-hùng đời xưa, lại có tội cả với nước Nam ta nữa, vì có ý làm cho người ta giảm bớt lòng sùng bái vĩ-nhân. Vả lại như thế là ông dùng phương-pháp « quá chủ

quan », chứ không phải « phương pháp viết sử thật khoa học khách quan », như lời ông nói trong bài tựa. Ông nói : « ... phương-pháp viết sử quá chủ quan tự những thời phong-kiến còn lại ». Sách nào chép từ đời phong-kiến ? Sử ta đến đời Trần mới chép, mà đời Trần không phải là đời phong-kiến, tuy đời Trần có phong tước, có thái-ấp (cho ăn lộc mấy làng hoặc bao nhiêu mẫu ruộng), nhưng không hẳn như lối phong-kiến nhà Chu bên Tàu và các nước bên Tây. Dù có muốn gán cho đời Trần là đời phong-kiến, cũng không thể nói sử-thần đời Trần « quá chủ quan » được.

Dưới này tôi sẽ dịch tất cả các đoạn ở trong sử ta chép về Lý-thường-Kiệt, để độc-giả biết rằng : Sử-thần của ta chép theo lối khách-quan, không phải « quá chủ quan » như lời ông Nguyễn-tế-Mỹ. Chính những đoạn ông Nguyễn-tế-Mỹ chép trong tập *Lý-thường Kiệt Bắc phạt* mới thiên về chủ-quan, lại có nhiều chỗ nhầm, tôi nói qua một vài chỗ như sau này để làm thí-dụ.

Trang 11, ông chép : « Lý thường Kiệt và Tôn Đản đem hơn mười vạn quân chia hai đường sang đánh Tống ». « Hai đường » nhầm, chính là ba đường mới phải, *Đại-việt sử-ký bản-kỷ* (q. 3, tờ 14 a) của ta chép rõ ba đường : một đường từ Quảng-châu phủ, một đường từ Khâm-châu và một đường từ cửa ải Côn-luân (tức là Phủ Nam-ninh, tỉnh Quảng-tây bây giờ). Sử Tàu như quyển *Thông-giám cương-mục, tục biên* (q. 7, tờ 7 a) cũng chép rõ ba đường như sử ta.

Trang 25, ông nói « Lê-văn-Thịnh (thợ in sắp nhầm là Trịnh) vốn là thủ khoa hay chữ ». Hai chữ « hay chữ » thừa, và dùng chữ « thủ khoa » không đúng, vì chữ « thủ khoa » chỉ dùng vào người đỗ đầu thi hương (cử-nhân) tức là « giải-nguyên », còn như Lê văn-Thịnh là người đỗ đầu kỳ thi trước tiên của nước ta. *Khâm định Việt-sử* (q. 3, tờ 33b) chép rằng : « Năm ất-mão (1075) hiệu Thái-ninh thứ tư đời Lý Nhân-tông, bắt đầu đặt ba kỳ thi học-trò, chọn người thông-hiểu kinh-điển (minh kinh) và học rộng (bác-học) cho đỗ, lấy Lê-văn-Thịnh đỗ đầu (thủ tuyển) ». Dưới lại chép rằng : « Trước kia chưa có khoa thi, tuy người học-trò nào thông mẫn, cũng do Thích Đạo tiến cử... đến đây (1075) mới mở khoa thi, được hơn mười người đỗ, thì Lê văn-Thịnh đỗ đầu, đời bấy giờ truyền tụng : « Họ Lê đỗ đầu kỳ thi trước nhất » (Lê thị phát khôi). Thế thì không thể dùng chữ « thủ khoa » được, phải dùng chữ « đỗ đầu kỳ thi trước nhất ».

Trang 57, tác-giả chép : « Thầm Khởi được ít lâu không hiểu vì lẽ gì, Triều đình lại bãi mà cử Lưu-Di ra thay » Tại ông không xem kỹ, nên ông nói « không hiểu vì lẽ gì », chính sử ta chép rằng : « Khi Thầm-Khởi ở Quế-châu, ngầm sai quân Man-động, đóng thuyền bè, tập thủy chiến, để mưu kế đánh nước ta, lại chứa Nùng-thiện-Mỹ là tri-châu Ân-thuyền chốn sang đấy. Vua Tống cho như thế, là Thầm-Khởi làm cớ để gây mối đánh nhau, mới kíp sai bãi Thầm-Khởi, cho Lưu-Di đến thay » (*Đại-việt sử ký bản kỷ*, q. 3, tờ 14 a). Sử Tàu như quyển *Thông-giám cương mục, tục biên* (q. 7, tờ 7 a) cũng chép : «...Gặp lúc ấy Thầm Khởi bị tội về việc biên-cương, triều-đình nghị bãi, cho tri-châu châu Sử là Lưu-Di đến thay... ». Như thế, sao lại chép « không hiểu vì lẽ gì » ?

Trang 76, tác-giả chép năm ất-mão thì phải chua năm 1074 thì nhầm, vì ất-mão chính là năm 1075. Cũng năm ất-mão ở trang 11, tác-giả lại chua là năm 1076 !

Cùng trang ấy (76) có câu : « Giết quân Tống hơn 5000 người ». Năm nghìn không đúng, chính là tám nghìn, *Đại-việt sử-ký* (q 3, tờ 14 a) và *Khâm-định việt-sử* (q. 3, tờ 35 b) đều chép 8000. Sử Tàu như quyển *Thông-giám cương mục tục biên* (q. 7, tờ 7a) cũng chép 8000.

Gần cuối trang ấy (76) có câu « chém đầu tướng cầm quân là Đô-giám-Trương thủ tiết tại trận tiền ». Người không thuộc sử chữ nho, tưởng cắt nghĩa câu ấy là tên Giám Trương họ Đô, vì ba chữ đánh dấu dắt liền nhau, mà chữ Đô và chữ Trương lại viết hoa, giữ tiết tức là chết ở trước trận, vì chữ tiết không viết hoa mà nối với chữ thủ. Chính là chức đô giám tên là Trương-thủ-Tiết ; nếu hiểu chữ « đô-giám » là chức quan coi tất cả thì không phải dùng ba chữ « tướng cầm quân ».

Trang 77, có câu : « Quân ta vào thành giết hết hơn 38,000 người ». Các Sử-ta đều chép «58.000» chứ không phải « 38.000 » (*Đại-việt sử-ký, bản kỷ*, q. 3, tờ 14 b và *Khâm-định việt sử* q. 3, tờ 37 b). Sử Tàu như quyển *Thông-giám cương-mục, tục biên* (q 7, tờ 7 b) cũng chép « 58.000 ».

(Xem tiếp trang 19)

TRUNG NGÔN

Sử bút đời nay!

TRÃI-QUAN

« Quốc-học thư xã » vừa cho ra một cuốn sách, nhan đề là *Việt Hoa thông sử* **sử cương**, do ông Bế-Lãng-Ngoạn biên soạn và ông Lê Văn-Hòe san nhuận. Trang 8, 9 có đề một bảng « những sách, báo tham khảo » tới 25 chủng-loại vừa chữ hán, vừa chữ pháp, vừa quốc ngữ. Tôi những mừng thầm : sách này có lẽ không đến nỗi phụ với hai chữ « **Sử lược** » như biên-soạn-giả và san-nhuận-giả đã nêu lên một cách « đại thư đặc thư ».

Nhưng, sau khi giở phớt một lượt, tôi thấy :

Trang 49, hai ông biên soạn giả và san nhuận giả viết rằng : « Theo **Lê-quý-Đôn tác-giả sách Hoàn-vũ-Ký...** » Đến trang 64, lại thấy có lời chú ở chỗ Quỷ môn quan rằng : Theo **Lê-quý-Đôn tác giả Hoàn-vũ-Ký** thì Quỷ môn-quan ở phía bắc huyện Bắc-Lưu cách huyện-lỵ chừng 30 dặm. Về đời Tấn (265-420) ai muốn sang Giao-Chỉ đều phải qua Quỷ môn-quan. Phía nam cửa ải khí hậu rất độc nên cứ 10 người qua ải chỉ có một người về. Huyện-Bắc Lưu ở gần **2 châu An Quảng và Tân-An** Quỷ môn quan tất cũng ở chỗ ấy. » (Chép đúng từ cách viết văn quốc-ngữ và lối chấm câu).

Nhưng, thưa hai ông biên-soạn-giả và san-nhuận-giả, Lê-Quí-Đôn **không phải** là tác-giả *Hoàn vũ ký* ạ!

Theo ngu-kiến thì *Hoàn vũ ký* là bộ sách của Tàu, do Lạc-Sử, (tên tự là Tử-chính), người Nghi-hoàng đời Tống, soạn, nguyên-bản những 200 quyển, sau thiếu, chỉ còn có 193 quyển ; cũng gọi là *Thái-bình hoàn vũ ký*.

Tại sao có sự nhận *Hoàn-vũ ký* là của Lê Quí-Đôn như trong *V. H. T. S.* **sử lược** đã lầm ấy ?

Chẳng qua chỉ vì cụ Lê Quí Đôn nhà ta trót dẫn *Hoàn-vũ ký* vào sách *Vân-đài loại ngữ* (*Khu vũ*, III) của cụ, nên làm cho người sau có nạn « rắu ông cắm bà » đó thôi.

Vậy tôi xin dịch rõ đoạn sách ấy ra sau đây để các bạn đọc giả tiện bề so-sánh :

« *Sách* Hoàn-vũ ký *chép rằng* : «*Quỷ-môn-quan ở cách 30 dặm về phía* nam *(chứ không phải là phía* bắc *như trong* V. H. T. S. **sử lược** *đã viết), có hai vách đá đối nhau, Hán Mã-Viện đánh rợ Lâm ấp, có lập bia ở đấy.* » *Lại chép rằng (nghĩa là sách* Hoàn-vũ ký *lại chép) : Đời Tấn, sang Giao chỉ, đều do cửa ải Quỉ-môn. Phía nam cửa ải ấy, chướng khí độc dữ lại càng nhiều hơn. Lời ngạn rằng :* Quỉ-môn-quan, thập nhân khứ, cửu bất hoàn. » (*Nghĩa là mười người qua cửa Quỉ-môn-quan thì chín người không trở về được*).

Nay xét (lời Lê Quí Đôn, tác-giả Vân đài loại ngữ, *xét) : Nay huyện Bắc-lưu ở gần châu Tân-an (1) thuộc trấn An-quảng (chứ không phải là 2 châu An-quảng và Tân-an) bên nước ta, thì Quỉ môn phải ở vào chỗ đó. Bây giờ thế tục nói Quỉ-môn ở xã Quang-lãng thuộc châu Ô, trấn Lạng-sơn thì không phải. v. v.* » (Dịch theo nguyên văn chữ hán trong *Vân đài loại ngữ*, *Khu vũ III*, của Lê Quí Đôn).

***

Đến chỗ Lê-Quang-Bí (V. H. T. S. **sử lược** tr. 153-156), hai ông biên soạn-giả và san-nhuận-giả chép rằng « ...viên tổng-đốc Quảng-Tây mở hòm cống-phẩm ra duyệt lại thì thấy tượng vàng « Đại thần kim nhân » là vàng giả... »

Nhưng thưa ra, tôi chỉ thấy sách xưa chép rằng khi Lê Quang Bí đi sứ Tàu, có viên trung-sứ đi theo giúp việc, chuyên giữ đồ cống bèn đánh tráo vàng bạc giả vào ; Quang Bí không biết... Chứ không thấy nói là « Đại thần kim nhân ».

Dưới đó (tr. 154-156), tên sách và tên người cũng lại lầm nốt :

(*Xem tiếp trang 17*

Hỏi ông Nông-sơn và ông Hải-nam

Hai bài văn đó xuất xứ ở đâu ?

Ai cũng biết quốc-âm bắt đầu được dùng làm văn thơ từ ông Nguyễn Thuyên (tức Hàn Thuyên) đời Trần: Trong sử có nói ông có viết một bài văn-tế bằng quốc-âm để đuổi cá sấu đã vào sông Phú-lương.

Song từ xưa, ai nấy đều nhận rằng bài văn đó đã thất-lạc và tiếc rằng trong quyển quốc-văn hợp-tuyển của ta mất một bài có cái giá trị lịch-sử [illegible] thế [illegible] tỉnh Strasbourg » trong văn-học-sử nước Pháp.

Gần đây giở đến tập « *Từ dân văn-uyển* » cũ, tôi ngạc-nhiên thấy trong số 26 ra ngày 15-7-1936 có một bài thơ « vịnh vua Tần Thủy-hoàng » của Nguyễn Sĩ-Cố và một bài văn-tế đuổi cá sấu của Nguyễn Thuyên.

Tôi xin chép lại hai bài ấy ra sau đây :

Vịnh vua Tần Thủy-hoàng

Sách tội gì đâu phải kiếp gieo,
Thủy-hoàng ông mắc cái nhầm to.
Giết Tần lại đến tay Lưu, Hạng,
Một chữ nào ai biết cóc khô!

Văn tế đuổi cá sấu

Ngạc-ngư kia hỡi! mày có hay?
Bể đông rộng rãi là nơi mày.
Phú lương đây thuộc về thánh vực,
Lạc lối đâu mà lại đến đây?
Há chẳng biết rằng: nước Việt xưa
Dân quen chài lưới chẳng tay bừa,
Đời Hùng vẽ mình vua dậy bảo,
Xuống nước giao long cũng phải chừa.
Thánh thần nối dõi bản triều nay,
Giấy (1) từ hải ấp ngôi giời thay
Vũ công lừng lẫy bốn phương tỉnh,
Bể lặng sông trong mới có dầy,
Sài-lang xa dấu dân cầy cấy,
Nhân vật đều yên đâu ở đấy.
Ta vâng đế-mệnh bảo cho mày
Lại về bể đông mà vùng-vẫy.

Nếu hai bài trên do những người cầu-thả biên chép thì không đáng nói làm gì. Nhưng hai bài ấy lại chính hai nhà văn có tiếng là ông Hải-Nam Đoàn như-Khuê và ông Nông sơn Nguyễn Can-Mộng sao lục và kiểm-định, thì chắc độc giả có thể tin được một phần.

Vậy xin hai ông hãy vì văn-học-sử nước nhà mà trả lời trên tờ Tri-tân cho chúng tôi được biết hai bài đó xuất-xứ ở đâu và có những chứng-cớ gì có thể khiến độc giả tin được rằng chính hai ông là Việt-văn đã viết những bài ấy.

TỪ-NGỌC

(1) L.T.S — Ông Từ-Ngọc có đánh dấu hỏi ở sau chữ « giấy ». Đó là người lạ đã viết trật « dấy » ra « giấy », « Dấy từ hải ấp », ý nói nhà Trần khởi nghiệp từ một làng gần biển, làm nghề chài lưới.

Cải chính

Bài xã thuyết trang nhì số này đầu đề là :

Xung quanh vấn đề « lập ngôn »

Nhà chữ xếp nhầm *quanh* ra *quang* vậy xin cải chính.

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐÀI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6$50 — Cước 1$20

Vì tình thế hiện thời, ông Dinh văn Tuệ không ở Hanoi Thư và mandat nào gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào mua sách, cứ gửi thơ cho :

Bà ĐÀO-THÌ-MINH
118 Phố Duvillier — Hanoi

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
(1900-1940)

Số 2

LÊ-THANH

Đối với quốc-gia ta thấy nhà văn biểu lộ cái lòng trung quân ca tụng một cách trực tiếp hay gián tiếp những hành động, những chiến công của nhà vua; Trong cha con, nhà văn biểu dương cái nghĩa hiền, cái chữ hiếu (nghĩa là phục tòng « quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi thê cương ») vân vân... Nói tóm lại, theo vết của luân lý, văn chương đã có một con đường vạch sẵn. Cái kết quả tự nhiên là cái thành kiến nô lệ. Các văn-gia thi-sĩ người nọ bắt chước người kia. Cách đây bao nhiêu thế kỷ kỷ người ta viết:

« *Phụ từ, tử hiếu;*
« *Quân kính, thần trung;*
« *Phu xướng, phụ tòng.* »

Ngày nay người ta lại viết

« *Trai thời trung hiếu làm đầu*
« *Gái thời tiết hạnh làm câu sửa mình.* »

(Lục vân Tiên)

Cái bản tính của nó là tĩnh, mục đích là hòa bình, không ưa sự thay đổi, chuộng sự an lạc.

Nhà văn học đông-phương ý-niệm bằng trực giác, ý-niệm một cách cụ thể và lồng quát, trái lại người tây phương dùng lý-trí để suy luận, phân tích, đi từ cụ-thể đến trừu tượng.

Một bên lấy thí dụ văn-học Trung-hoa và ta hãy giở lại tận nguyên-thủy của nó. Đã từ lâu, nhưng rõ rệt nhất là về thế-kỷ thứ VI tr. T. C., nước Tàu mất quân bình về lịch-sử. Dân-gian ai nghĩ đến nó thì coi nó như một sự kinh khủng, phải tìm cách thoát ly khỏi cuộc đời ấy để tìm một cuộc đời khác do một sức mạnh mầu nhiệm ở ngoài cuộc đời gây nên cho. Cuộc đời ấy là cuộc đời tinh thần, cuộc đời văn của nhân loại vậy.

« Các người hãy nhìn cho kỹ, ở đâu đâu, cũng thấy *văn* cả Cái hình của mây đẹp hơn mọi nghệ thuật, cái đẹp của tạo-hóa không nhà nghệ sĩ nào bì được... Có thể tin được rằng tất cả những cái ấy chỉ là những bài-trí nhạt nhẽo vụng về? Không! Đó là hiện hình của Tạo hóa, của thiên nhiên. Đây, một khu rừng ca ran lên như một bầy đàn; bấy nghe một ngọn suối chảy trên sỏi đá, và nó ngân lên như một viên ngọc, như một quả chuông, người sẽ thấy rằng mỗi hình thể của Tạo-hóa có một điệu riêng, mỗi một tiếng của Tạo-hóa có một *văn* ý êng » (1)

Như thế *văn* là ở Tạo-hóa, ở ngoài cuộc đời, ở ngoài người — tức là văn nhân — vậy.

Nếu đã là « ngoài con người ta » thì người ta chỉ nên lấy *trực giác* mà hiểu, cũng như người ta nên lấy trực-giác mà hiểu lẽ Trời, lẽ đạo. Đừng lấy lý trí mà suy luận vì nếu đem những bộ phận hèn yếu của loài người làm dụng cụ để phân định một lẽ Trời thì không thể nào được.

Nguyên-do cái quan niệm văn chương của người Tàu và của người Đông-phương là thế.

Vì người Đông phương ý niệm bằng trực giác, nên câu văn của ta không phải là công trình xây dựng theo lý trí, mà tài-liệu là những ý, hình-ảnh, tức là những cảm giác. Nó chỉ là những trình bày cảm giác theo thứ-tự đột hiện trong trí của nhà văn, nghĩa là cái gì cảm thấy trước thì nói trước, cái gì cảm thấy sau thì nói sau.

Khác với người tây phương lấy lý trí để suy luận, thành ra khi cảm giác đã đem về cho nhà văn một số tài-liệu, nhà văn mới đem những tài-liệu ấy ra so sánh xem cái nào quan-trọng, cái nào không quan-trọng, cái nào nên đặt trước, cái nào nên đặt sau, đặt thế nào cho thành một hệ-thống theo lý luận.

Cái lợi của nhà văn tây phương là có thể xây được những câu dài mà vẫn giữ được điều-kiện sáng suốt.

Vì ý-niệm vẫn trực giác mà câu văn đông phương trọng ở sự nhịp-nhàng, đọc lên nghe kêu, vần là qui:

Dưới đây là một đoạn văn nhịp-nhàng ấy:

« Nghĩ mình đương là khách ở chốn đô hội phồn hoa, trên đàn văn mặc, giống trống mở cờ. Nhị đỏ Nùng xanh, từng đã đính duyên

non nước. Lại lúc quê cũ quay cương, vườn xưa thăm thú, Nhuệ-thủy thuyền ai mấy lá, Hương-khê nước chảy bốn mùa... Thế mà nay trời bày vân cẩu, đất đổi tang thương, nhà tan một khắc, mình dạt dòi phương » (1)....

Cũng vì ý niệm bằng trực giác nên văn chương có tính cách cụ-tượng và tổng-quát.

Ta hãy đọc bài thơ cổ tiếng sau này của văn chương ta :

Bước tới Đèo-ngang bóng đã tà.
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông rợ (2) mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia.
Dừng chân đứng lại : trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Thật là tổng quát, chỉ có tám câu năm mươi sáu chữ mà tả đủ cây, lá, hoa, tiều phu, nhà rợ bên sông, con cuốc cuốc, cái gia-gia... lại cảm tình đối với non nước, chẳng khác nào một bức tranh thủy-mạc vẽ bằng mươi mười lăm nét ta thấy trên một đồ sứ của Tàu. Mục-đích của nhà thơ đây, cũng như nhà họa-sĩ chỗ khác, chỉ là *tả vẽ lấy cái tinh-thần* của bức tranh mà thôi.

Giả một người tây-phương vẽ bức tranh ấy sẽ ghi những màu sắc của bóng tà dương, cái cây thế nào, màu lá thay đổi thế nào, v. v... để có một bức tranh được phân-tích tỉ-mỉ rồi.

* Vì nhà văn đông-phương không chịu phân-tích đi từ cái cụ thể đến cái trừu-tượng như nhà văn tây-phương, nên văn chương đông-phương chỉ lệt-bệt ở cái vòng tả tình, tả cảnh..., không lên cao đến hoa-học, số-học. Trước cái hiện trạng ấy, nghĩ đến người Việt nam, ông Đào duy-Anh đã phải phàn-nàn một cách thiết-tha.

« Học-sinh Việt-nam du học ở Pháp ngày nay, có nhiều người ở bậc Trung học và đại học thời giờ hơn nhiều thanh niên Pháp, thế mà lên tiến bậc học một chút để thi, là lại người ta cần phải có nhiều trí trừu tượng và tài sáng tạo, thì học sinh Việt nam chịu thua xa. Về triết học, ta cũng không thấy học sinh ta xuất sắc hơn thế. Xem vậy thì thấy rằng cái di sản trí-tuệ của tổ tiên để lại còn nặng nề cho ta » (3).

Những đặc điểm — hay nói cho đúng những nhược điểm — của văn học đông phương tôi vừa kể trên làm cho văn học đông phương thiếu hẳn cái *cái tinh thần khúc triết*, cái tinh thần quí giá của văn học tây-phương :

Tinh thần khúc triết là gì ?

« Cái tinh thần khúc triết là cái luật thứ-tự của Tạo-hóa và cái luật thứ-tự của nhân loại hợp nhau lại làm một, để khám phá lẫn nhau và thống trị lẫn nhau giữa Tạo-hóa với nhân loại và sẽ cùng nhau tiến hóa về thời-gian và không-gian (4).

Không cần giảng giải, tỷ dụ dài giòng ai cũng phải nhận rằng Tạo-hóa là một bộ máy huyền vi ; bộ máy ấy vẫn quay rất đều và trường cửu.

(Còn nữa)

LÊ-THANH

1) *Một đoạn văn của Trúc Khê, nhà văn đã dịch Ngọc-Hồ hồ, chịu nhiều ảnh hưởng của nhà tiểu-thuyết Tàu Tô Trầm-Á.*

2) *Người ta vẫn chép là « chợ », nhưng xét ra « rợ » mới đúng.*

3) *Báo Văn-Lang — Có trích trong cuốn « Cuộc tiến hóa văn học Việt nam » của Kiều Thanh Quế.*

4) *Định nghĩa của ông Hồ Xanh. Tin văn số 14, ngày 5 11 35.*

Đã in xong

QUANG TRUNG

(lịch sử ký sự)

của HOA BẰNG

— Nhiều phụ bản do các họa sĩ tốt nghiệp trường Mỹ thuật vẽ giúp.

Giá 5$00

cước phí bảo đảm : 0$50

Xin chú-ý : Không gửi sách theo lối lĩnh hóa giao ngân.

Số sách in có hạn, ngài nào cần mua xin gửi ngay mandat và tiền cước phí về cho :

Ô. Nguyễn tường Phượng
95-97 Chanceaulme Hanoi

DẤU CŨ, CHUYỆN XƯA

I. — Ba chuyện về cụ Phan Thanh-Giản

Một vị túc nho kể cho tôi nghe mấy chuyện sau đây về cụ Phan Thanh-Giản :

I. — Cụ Phan làm quan rất thanh-liêm, không hề ăn lễ gì của dân cả. Một viên bá hộ kia tên là Văn, người tỉnh Gia-định, bị vu-oan là can phạm trọng tội, chỉ nhờ cụ thẩm cứu lại cái án tình trường tìm đủ chứng cớ mà được trắng án.

Nhờ ơn cụ, viên bá hộ ấy đem tặ 10 gói chè, mỗi gói trong có để sẵn một lạng vàng. Cụ Phan-Thanh Giản thấy bưng lễ đến nhất định không lấy, người ấy cố nằn nì là thứ chè ngon lắm, xin cụ nhận cho. Cụ bảo : « Tôi vẫn biết rằng chè của ông ngon và quí như vàng, nhưng tôi không quen uống, ông đem cho tôi, tôi trông thấy, thế cũng như tôi đã uống rồi, tôi cám ơn ông, xin ông đem về »

II — Cụ rất trọng phép nước. Năm Thiệu-Trị thứ hai (1842), cụ gặp tang thân phụ, về quê nhà một mình, không có lính tráng gì theo hầu ; ghe (thuyền) cụ qua đồn Ba-lại, viên coi đồn ra hiệu cho các người chèo thuyền phải dừng lại để khám xét giấy-má. Các người chèo thuyền cãi là thuyền quan tuần. Viên coi-đồn tưởng chúng nói láo, không nghe, nhất định bắt đỗ lại. Các người chèo thuyền phải ghé vào bờ. Viên coi đồn xuống khám, thấy thuyền đơn sơ, quát mắng bọn chèo thuyền rằng : « Chúng bay láo quá ! quan nào đi thuyền này, chúng bay đánh lừa tao, à quân này to gan thật ! ». Lúc ấy, cụ Phan Thanh-Giản nghe viên coi đồn quát mắng, vẫn ngồi yên. Rồi cụ lên bờ xin lỗi viên coi đồn rằng : « Xin ngài tha lỗi, bọn chèo thuyền thật là vô ý, xin ngài nể tôi là kẻ già-nua tuổi-tác mà tha thứ cho bọ ». Thấy cụ già mà lại khiêm-tốn, viên coi đồn để cho thuyền đi.

Khi cụ về đến nhà, xong việc tang ma, bảo viên tri huyện Bảo-an cho gọi viên coi đồn Ba-lại đến. Viên này đến nơi, trông thấy cụ, sực nhớ đến chuyện khám thuyền bữa trước, mình đã thất lễ trước mặt cụ, sợ quá tái xanh cả mặt lại.

Nhưng, cụ vẫn ôn-tồn phủ dụ rằng : « Thày biết làm phận sự, tôi có lời khen thày đấy. Giá tôi chỉ nói rõ mình là quan lớn mà khỏi phải kiểm-soát thì rồi ra ai ai qua đồn cũng cứ xưng là quan lớn để khỏi phải theo đúng lệ tuần phòng, như thế còn gì là phép nước. » Nói xong, cụ quay lại bảo quan huyện thưởng cho viên coi đồn 100 quan tiền, sai dọn cơm cho ăn và ngay ngày hôm ấy tư giấy cho thăng lên Chánh-suất-đội.

III. — Năm Minh-mệnh thứ 12 (1831), cụ làm Tổng-đốc Quảng-nam trong tỉnh hồ ấy có viên tổ-trưởng mọi là Cao-Gông thường đem đồ đảng cướp phá địa giới. Cụ được lệnh Triều-đình sai đi tuần tiễu, chả may thua mấy một trận. Vua Minh-mệnh giận lắm, cho rằng vì chính sự quan bản tỉnh hà khắc nên bọn ấy khởi nghịch, bèn xuống chiếu cách chức cụ và bắt đi tiền-quân hiệu-lực để đài tội lập công. Cụ vâng mệnh đi trận, bao giờ cũng đi đầu tiên, các quan thấy thế sợ hãi đến tỉnh mệnh, xin cụ lui lại sau. Cụ không chịu, khẳng khái gả người rằng : « Lệnh vua đã ra, tôi phải tuân » Khi dẹp giặc xong, cụ được lệnh đổi ra Huế, coi quân phu dọn Hoàng-cung và các Tôn-lăng, mãi đến năm Minh-mệnh thứ mười ba (1832), cụ mới lại được phục-chức. Trong khi làm việc vất vả, cụ không có một nhời nào oán hận cả.

Thật là một ông quan rất hiếm.

TIÊN-ĐÀM thuật

II Người Âu-châu buôn bán ở Bắc-kỳ về cuối thế-kỷ thứ mười bảy

Về đầu thế kỷ-thứ mười bảy, ở các cửa bể Bắc-kỳ và phố Hội-an ở Trung-kỳ, chỉ có tàu bể của người Nhật và Tàu năng lui tới buôn bán, còn người Âu-châu thì chưa được biết rõ người ta cho lắm. Vào khoảng ấy, người Bồ-đào-nha và người Hỏa-lan đã có cơ sở vững bền ở các hải-cảng Macao tỉnh Quảng-đông và người Nagasaki ở Nhật-bản ; nhưng còn người Pháp và người Anh chưa đi xa hơn Ấn-độ và Java. Trong mấy năm 1601-1603, người Anh bắt

đầu đến Bantam ở Java và năm 1613 sai viên chúa tàu John Saris qua Nhật xem xét việc mở một thương-hàng ở đấy. Năm 1618, người Anh lại lần lượt đến Formose, quần đảo Pescadores và Bắc-kỳ, nhưng gặp phải sự cản trở của người Hoà-lan, nên đến năm 1623 họ phải lui về Ấn-độ. Năm 1637, ở Nhật chúa Iemitsu cấm dân-chúng giao-thương với ngoại quốc, nên người Hoà-lan công-nhiên giữ độc-quyền mua bán giữa Nhật-bản và các xứ Bắc-kỳ, Nam-kỳ.

Ngày 5 tháng ba năm 1637, chiếc tàu Hoà-lan « Le Grol » đến cửa Hàn (Tourane), và ngày 29 tháng ấy ngược sông Hồng-hà. Họ nhờ một người Nhật theo đạo Thiên-chúa trốn tránh đã lậu ở Bắc-kỳ làm thông-ngôn để giao-thiệp với người Nam ta. Năm sau, họ trở lại đóng ở Hưng-yên và giao-dịch với tất cả các thị-trấn lớn như Kẻ-chợ (Hanoï), Nam-định, Hải-dương. Nhờ sự khôn khéo và tài chiu lòn, các quan-lại An-nam, người Hoà-lan bán được nhiều hàng hóa, nhật-dụng cho dân quê và mua tơ lụa của ta để xuất cảng qua Tàu và Nhật. Việc mua bán của họ càng ngày càng phát đạt hơn lên.

Thấy người Hoà-lan đã trước mình thu được nhiều món lãi lớn, người Anh quyết định cạnh tranh. Năm 1672 một đoàn 9 chiếc thương-thuyền đến Bantam, trong số đó chiếc « Zant » do viên chúa tàu Andrew Parrick hướng dẫn được cử qua Đông-dương. Đi chuyến này có nam phái viên của Công-ti Ấn độ ở Bantam, và người trưởng-đoàn tên là William Gyfford.

Ngày 25 tháng sáu năm 1672, tàu « Zant » đến bờ bể Bắc-kỳ. Phái-bộ Anh viết một bức thư bằng chữ Bồ-đào-nha dâng lên chúa Trịnh và gởi tặng các quan ta nhiều phẩm-vật để mua lòng. Tháng bảy năm ấy, năm chiếc chiến thuyền cùng một võ quan đến ra lệnh cho phép tàu « Zant » đến Hưng-yên, vì lúc bấy giờ, trừ người Hoà-lan ra, không người ngoại quốc nào được trú ngụ ở Kinh-đô. Ngày sau, vì gặp giông nước chảy xiết quá, viên chúa tàu « Parrick » định tìm chỗ bỏ neo, thì viên quan truyền lính trói Parrick lại và đe-dọa William Gyfford cùng mấy người Anh phải nghe theo, nhưng họ bế tắc sự giao thiệp ở Bắc kỳ rất khó khăn.

Sau sáu tháng ở Hưng-yên, họ để tâm xem xét mà thấy Đàng Bắc kỳ không phải là xứ nhập-cảng được; nhưng họ còn tìm sách mua tơ lụa của ta bán qua Tàu và Nhật. Năm 1674 cuộc chiến tranh giữa hai nhà Nguyễn-Trịnh đã tạm yên, người Anh hi-vọng công-việc buôn bán của họ sẽ nhờ dịp thái bình mà được thịnh-vượng. Nhưng họ gặp nhiều trở-lực quá, nên vẫn không được kết-quả gì hơn, mãi đến ngày 28 tháng sáu năm 1676, thì William Gyfford bị cách chức vì không làm tròn phận-sự.

Đến năm 1679, thương-hàng của người Anh được dời đến Kẻ chợ (Hà-nội), nhưng không được phép cất nhà cửa. Năm 1683 họ mới thuê được một tòa nhà khá lớn của một người đàn bà Bồ-đào-nha tên là Monica Dabada. Trong mấy năm sau, gặp giữa lúc tàu xứ Bắc-kỳ bị mất mùa, dân gian đói khát rất khổ sở, nên công việc buôn bán của người Anh cũng không được phát-đạt lắm.

Cũng trong khoảng nầy, trong năm 682, chiếc tàu « Saint Joseph » đưa sứ bộ Pháp đến Đông-dương. Sứ thần là Jacques de Bourges cùng hai cố-đạo Pháp tên là Lefèbvre và Geffard dâng lên vua Lê bức thư đầu tiên của vua Louis thứ XIV xin cho người Pháp được tự do buôn-bán và truyền-giáo ở đất Việt-nam.

Từ 1683, người Anh vẫn nán ở lại Hà-nội đợi chờ ngày đẹp dễ hơn, nhưng đến năm 1696 thì họ hoàn toàn thất vọng. Qua năm 1697, viên trưởng đoàn Mary Bowyer đem cả nhân viên thương-hàng Kẻ-chợ đi Madras sau 25 năm ở Bắc-kỳ.

Và đến năm 1700 người Hoà-lan cũng chán nản rút lui.

NGUYỄN-HUỲNH

Một cái tang trong văn-giới

Ô. Lê Thanh (1913-1944) đã tạ thế!

Ô. Lê Thanh, bạn thân của Trí-Tân, đã tạ thế tại Hà-nội hồi 4 giờ sáng 26 tháng tư 1944.

Lễ an táng đã cử hành sáng 27 tại nghĩa trang Hợp-thiện.

Nhiều bạn trong giới văn học, giới mỹ thuật, giới công-chức và đại biểu báo *Thanh-nghị*, báo Tin mới, v.v. đều đi đưa đám.

Bạn Hoa Bằng và bạn Tức-Khê có đọc điếu văn (số sau, T.T. sẽ đăng bài điếu-văn nói về đời văn học của ông Lê Thanh).

Trong dịp đau buồn, Trí-Tân đồng nhân xin kính nghiêng mình trước tiềm linh ô. Lê Thanh người bạn đã cộng tác về bài vở với Trí-Tân từ trước đến giờ

TRÍ TÂN

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
Ấp-phó một vé

Vấn-đề đọc sách ngày nay

Những độc-giả ngày nay, thường đọc người chứ không phải đọc sách

HIỆP-SƠN TỬ-SĨ

NAY đương lồi năm châu khói lửa, bốn cõi gió mưa; ai cũng nơm-nớp những lo cùng sợ, những thương cùng sầu, còn thì giờ đâu, còn bụng-dạ đâu, mà bàn đến sự đọc sách xem văn. Nói nghĩ, tưởng là phải, nhưng nghĩ kỹ câu cổ ngữ của tiên-hiền:

« Bình thời giảng võ
Loạn thế độc thư. »

dịch:

Khi yên luyện tập vũ công,
Đến khi loạn lạc dốc lòng xem văn.

Thật nghìn năm vẫn đúng.

Lúc yên, không có việc gì, nhàn thành ra trệ, gươm không mài hóa rỉ, người không hoạt động hóa lười, cái đó là sự đương-nhiên, nên bốn chữ « *Bình thời giảng võ* » khuyên ta khi *an* nhớ đến khi *nguy* là vậy.

Lại khi loạn, công việc đa đoan, từ binh tướng đến dân-gian cũng cần đọc sách xem văn để tầm nhuần đạo-đức, người trên cho bớt lòng hung hãn, người dưới cho thêm sức can đảm, để đương nổi cuộc phong ba, nên bốn chữ « *loạn thế độc thư* » cũng khuyên ta đó.

Nước ta ngày nay, gặp vạ lây binh hỏa, nhưng:

« Hận vô Vương-Chúc (1) trung thần kiếm
Lãng tụng Văn Sơn (2) chinh-khí ca. »

(Ngô-Đình-Giản) (3)

Dịch:

Giận không có thanh gươm của ông trung-thần Vương-Chúc,
đành ngâm đọc bài ca « Chinh khí » của ông Văn-Sơn.

Hai câu thơ trên, thật đúng cái cảnh dân ta ngày nay. Không lúc nào hơn lúc này, ta đành chỉ đọc sách xem văn, để thêm lòng đạo đức can đảm, hòng đủ sức chống trọi với thời cục.

Vì thế nên tôi mới có bài này, và nhân thế, xin đem ra thảo luận với độc-giả vấn-đề đọc sách ngày nay vậy.

***

Cổ nhân đã nói: « *Vui không gì bằng đọc sách, cần không gì bằng dạy con.* »

Đọc sách là một sự lợi ích rất lớn cho tâm trí và học vấn; các bực tiên-hiền đều lấy làm trọng, nên lại nói: « *sĩ-phu mà ba ngày không đọc sách, soi gương mặt mũi đáng ghét, nói chuyện nhặt nhẽo khó nghe.* »

Song, đọc sách có nhiều cách, những bực tiên-giác cổ kim đã chỉ vẽ cho hậu học chúng ta noi theo đã lắm. Tôi chắc các nhà hiếu học cũng đã am tường, nên ở trong bài này, tôi không dám nhắc tới, chỉ trình bày một vài ý kiến về sự *đọc sách ngày nay*. Tôi thấy cũng là sự đọc sách, mà đọc sách ngày xưa và đọc sách ngày nay có khác, lại ngày nay trong hàng độc-giả có nhiều thành kiến tây vị có thể di-hại cho học vấn của ta.

Ngày xưa, nhiều quyển sách, bài văn không đề tên thật của trước-giả, người đọc chỉ chú ý đến văn. Gặp thiên kiệt-tác là được truyền tụng.

Như sách « *Tang thương ngẫu lục* » của hai bực danh-hiền là Phạm đình Hổ (4) và Nguyễn Án (5), mà chỉ đề xuông bốn chữ *Tùng-Niên* và *Kính-Phủ*.

Như bản dịch khúc « *Chinh phụ ngâm* » (nguyên văn chữ hán của ông Đặng Trần Côn), truyền tụng đến ngót 20 năm mà vẫn chưa biết đích dịch-giả là ai! Bà Đoàn thị Điểm hay Bà Nguyễn thị Điểm, hay ông Phan huy Ích (6)?

Kể ra còn nhiều thiên sách, tập văn rất quí rất hay, mà trước-giả không rõ là ai.

Như thế mới biết, ngày xưa đọc sách xem văn cứ thấy văn-chương kỳ dật là tán thưởng, chứ không như ngày nay, nhiều độc-giả có thành kiến tây vị, thường như đọc người, không phải đọc văn.

Tôi hằng gặp nhiều bạn thanh-niên hiếu học có thành kiến cố chấp đó. Những vị ấy vào hàng sách, không phải tìm một tác-phẩm mà tìm một thi-sĩ hay văn-sĩ minh ưa, không khác gì ưa những tài

ở trên màn bạc, ưa đến nỗi say mê mờ quáng không nhìn thấy, không nhận rõ cái hay cái dở chỗ nào. Hễ thấy một quyển sách, một bài văn có ký tên một văn sĩ, cho ngay là hay, không chịu để ý xét nhận.

Phàm ở đời ai cũng có thể lầm lỗi, sai lẫn được, chỉ có ai không làm gì cả thì mới không nhầm.

Pascal có câu : « *Quelque lumière quelques traits d'esprit que l'on ait, rien n'est si aisé que de se tromper.* » (Dầu minh mẫn đến đâu, trí thức đến đâu, cũng dễ lầm-lạc).

Lại Voltaire có câu : « *Tous les hommes se trompent ; les grands hommes reconnaissent qu'ils se sont trompés* ». (Ai ai cũng sai-lầm ; nhưng người đũng-cảm thì nhận ngay).

Nhà văn cũng là người tất có thể sai lầm trong khi tra cứu. Người đọc sách tất phải nhận xét chỗ hay chỗ dở mới lĩnh-hội được cái lợi ích trong bài văn. Nếu tư-tưởng trước-giả hơn ta, ta bái làm thầy ; nếu lập luận của tác-giả sai, nhầm, kém ta, ta tự biết trình độ học thức của ta hơn nhà làm sách. Thế, ta mới học được cái hay, cái dở trong sách mà thu lấy cái ích cho mình.

Tiền nho có câu : « Khẩu nhi tụng, tâm nhi suy » (7) (miệng đọc bụng nghĩ).

Đọc sách mà không nhận xét, suy nghĩ chỗ hay, chỗ dở trong sách, cái lợi không thu được đã đành, mà còn có khi thu lấy cái sai cái nhầm là cái hại nữa.

Ông Mạnh-tử có nói : « Tận tín thư bất như vô thư » (Tin liều sách, thà đừng đọc sách.)

Tôi xin đan cử ra đây một vài chứng-cớ để tỏ rằng những tác-phẩm của những nhà danh-sĩ cũng có chỗ nhầm, nếu độc-giả không để ý nhận xét, cứ tin liều, có thể phương-hại cho luân-lý, học-thuật được.

Nói vậy, mới nghe, chắc các ngài cho tôi là vô-đoán ; nhưng xin các ngài cố đọc một thí-dụ tôi dẫn sau đây, các ngài sẽ nhận thấy cái hại của sự « tin liều sách ».

1° Quyển *Cannibales par persuasion* của ông Nguyễn Phan Long.

Năm 1932 ông Nguyễn Phan Long, một nhà văn hào có tiếng trong nước, làm ra quyển *Cannibales par persuasion*. Trong sách có nhiều truyện ngắn. Truyện trên nhất, lấy làm tên sách.

Văn-chương của ông, hay thế nào, quốc dân ai cũng đã rõ ; nhất ông lại là một nhà tự học, không ra khỏi nước nhà, mà văn tài đến được như thế, thật là hãn-hữu.

Một quyển sách do một nhà danh-sĩ như ông soạn ra, tất đã kê cứu thận-trọng. Nhời *nói thì mất, văn-thơ thì còn.* (Les paroles s'envolent, les écrits restent — Verba volant scripta manent — Phương-ngôn Latin.)

Một tấm lụa đẹp, tiếc có một vết ố ; nhưng không phải vì vết ố, mà dám chê cả tấm lụa. Chỉ rõ vết ố ra ở đây, chả qua do lòng thành thực muốn sau sẽ được những tấm lụa hoàn-toàn.

Quyển *Cannibales par persuasion* trong có một bài (trang 91) đề là « L'ingénieuse amitié », kể chuyện Lưu-Bình, Dương-Lễ.

Muốn người ngoại-quốc hiểu rõ tâm tình người nước ta, ông đã khéo lựa truyện « Lưu Bình, Dương Lễ » diễn ra tiếng Pháp, để biểu dương cái luân lý cao siêu, thâm thúy của giống nòi, song tiếc ông không khảo cứu cẩn thận, không hiểu ông căn cứ vào đâu, mà ông diễn tả sai lạc mất cả cái hay của truyện, lại mất cả cái luân-lý thuần-túy của giống Việt Nam ta.

Chỗ sai đó là chỗ ông nói nàng Châu Long lúc mới gặp Lưu-Bình, tự thổ lộ ngay là vợ bạn,

Nguyên văn quãng ấy như đây :

« Sous le régne de l'Empereur Tự-Đức, vivaient deux lettrés, Lưu-Bình et Dương-Lễ, étroitement liés d'amitié. Ils se présentèrent en même temps au concours triennal, seul Dương Lễ fut reçu et nommé mandarin, tandis que Lưu Bình, ayant échoué, reprenait tristement ses livres.

Pressé par la misère, Lưu Bình se rendit auprès de son ami pour lui demander un subside afin de vivre jusqu'au prochain concours, où il espérait avoir plus de chance. Informé de sa venue, Dương-Lễ, après l'avoir fait attendre longtemps, refusa de le recevoir et lui envoya un serviteur pour lui dire que s'il avait faim, on lui donnerait à manger mais qu'on ne lui ferait pas d'aumône.

Humilié et vexé de cet accueil de son ami, auquel il était loin de s'attendre, Lưu-Bình s'en alla sur le champ en se jurant de ne plus remettre les pieds chez un homme à qui la fortune avait fait oublier si facilement les devoirs de l'amitié. Mais il fut fort surpris lorsque, sur le chemin de son logis, il fut

rejoint par la femme de Dương-Lễ.

« J'ai appris, lui dit-elle, votre visite et la façon indigne dont mon mari vous a traité. J'en ai été révoltée et j'ai décidé sans retard de racheter par ma conduite à votre égard les torts qu'il a envers vous. Et me voici. Si vous acceptez ma compagnie, je partagerai votre pauvreté et vos peines pour alléger votre fardeau. Vous pourrez ainsi vous adonner à l'étude sans risquer d'en être détourné par des soucis mesquins.

Heureux de voir une compagne lui tomber pour ainsi dire, du ciel le lettré emmena la jeune femme chez lui. Ils vécurent dès lors comme le ménage le plus uni. »

Xin tạm dịch:

Dưới đời Tự-Đức (8) có hai người học trò, Lưu-Bình, Dương Lễ, bạn với nhau rất thân. Hai người cùng đi thi hương. Có một mình Dương-Lễ đỗ ra làm quan, còn Lưu-Bình trượt, lủi thủi lại về học.

Vì nghèo túng, Lưu-Bình đến nhà bạn, xin cứu giúp để ăn học chờ khóa sau, may ra có phận. Dương Lễ, thấy bạn đến, bắt chầu chực chán rồi lại không tiếp, chỉ cho gầy tớ ra bảo: « Nếu đói thì cho ăn, chứ không giúp tiền.

Không ngờ bị khinh và bắt hủi, Lưu-Bình ra thẳng, thề không thèm để chân đến nhà một kẻ « phủ dịch giao » dễ dàng như thế! Nhưng lúc đang đi về nhà, thấy lững thững theo sau vợ chàng Dương-Lễ.. Nàng nói ngay rằng: « Tôi biết bác lại chơi, và tỏ sự-chỉ đê hèn của phu quân tôi đối với bác. Tôi thực ngượng. nay định đến đây dâi công thực, tội cho chồng, Tôi đây,... nếu bác không chê, tôi xin đồng lao cộng tác để đỡ cảnh bần hàn. Như vậy, bác có thể chuyên tâm học tập, không lo đến đều nhật dụng. »

Hớn hở như gặp được tiên trên trời sa xuống, Lưu-Bình đem thiếu phụ về nhà. Từ đấy ăn ở với nhau trong cảnh gia đình lạc thú.

Truyện Lưu-Bình-Dương-Lễ ở nước ta ai ai cũng biết. Vì luân-lý truyện rất hay, nên trong dân gian từ trên đến dưới, ai cũng ưa thích. Vì thế, nhiều nhà văn sĩ hay dùng các thể văn để diễn tả, nên có nhiều sách in bán, như *Lưu-Bình Dương Lễ truyện*, « *Tây dương liệt-phụ*, — *Lưu-Bình phú*, — *Lưu Bình trò*. Tài liệu dễ kiếm không phải hiếm-hoi gì, sao ông Nguyễn Phan-Long không lấy để khảo cứu?

Sở dĩ truyện Lưu-Bình Dương - Lễ được lưu truyền đến ngày nay, được phổ cấp đến dân gian, được người đời tán thưởng là ở chỗ:

1· Dương-Lễ khích bạn ngầm sai vợ lẽ đi nuôi bạn như thế là chí tình, hy sinh cả nghĩa kim-trù để chu toàn tình bằng hữu;

2· nàng Châu-Long, vợ lẽ Dương-Lễ, vâng ý chồng đi nuôi bạn, trọng ba năm, đảm đang công việc mà vẫn giữ được tuyết sạch giá trong, vì chồng biểu dương được tình bằng hữu, vì bạn gây dựng được sự nghiệp công danh.

Nhưng tiết tháo của Châu-Long ở vào trường hợp rất khó. Một hồng-nhan thiếu-phụ, ở với một bạch-diện thư-sinh trong vòng ba năm trời, sao cho khỏi « khi vào

LÊN ĐƯỜNG

Khoác áo lên đường lại bữa nay,
Phong trần chưa chán mặt nhau đây.
Rừng xanh đất đỏ mưa chồn gót,
Quán lạ sông xa, nắng sạm mày,
Nghĩa bạn những e khi khói lửa,
Tình đời chi quản nỗi chua cay.
Ái ân tiếng gọi ngoài xa thẳm,
Nửa gối phong sương lạnh nhẫn ngày.

Bà-VÂN-ĐÀI

TIẾNG NGÂM TRƯỚC ĐÈN

Xóm đẫm — chìm sâu — nét tối mờ.
Bên hoa, êm nhịp sóng rung thơ.
Dầu nông, bấc lụt, tăm khêu ý...
Song vắng, rèm lay, gió họa đùa...
Chữ quện hơi hương, hồn dịu-dịu.
Ánh bừng điệu nhạc, tác mơ-mơ.
Giọng ngâm muốn ngất sao Ngưu Đẩu
Tỏa át năm châu tiếng bão, mưa!

SONG-CỐI

(Bạch liên, 23, tháng tư, 1944)

sát áo, khi ra chạm quần; » gia chi dĩ lại nhận nhau là chồng là vợ thì mối lửa tình dù không định nhóm cũng đã tự khơi thế mà, Châu-Long giữ vẹn được tiết tháo, trọn được phận-sự, thật đáng câu:

« *Thiên lý dân dĩ nhất phụ-nhân* »

Và người đời cho là liệt-phụ rất phải.

Nhưng hoàn-cảnh ấy, trường-hợp ấy, tránh sao khỏi đeo bầu mang tiếng »! Chắc Dương-Lễ lúc cho vợ đi, cũng đã tự đoán, mà đến khi vợ về cũng không khỏi k' ông lòng nghi kị. Vậy, mối hiềm nghi sao tỏ cho ra lòng trinh bạch sao mà biết rõ?

Ấy là ở Lưu-Bình, khi đỗ, đến thăm Dương-Lễ nói rõ đầu đuôi câu chuyện gặp thiếu-phụ nuôi cho ăn học, hứa thi đỗ sẽ thành hôn, nay về, không thấy bóng hồng, nên đang bàng-hoàng ngao ngán.

Dương-Lễ nghe nói, mới rõ biết được tiết-tháo của vợ, bèn cho ra chào Lưu-Bình. Khi đó, Lưu-Bình mới hiểu Dương-Lễ giúp mình sai vợ nuôi mình ăn học.

Cốt truyện là biểu dương nghĩa vợ chồng, tình bè bạn.

Luân-lý nước ta có năm đạo thường: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn,

Bè bạn đứng vào trong ngũ luân, nên tình nghĩa rất trọng. Luân-lý không dung những kẻ vô giáo-dục, vô liêm sỉ phạm vào luân thường, nên khi xảy ra những án « bạn và vợ ».

Lưu Bình là một nhân vật ở vào lúc lòng trọng nghĩa tình nồng hàn, lại là người ăn học có đâu cầu-trọ biết lý vợ bạn mà lại nhận nhời dinh hôn, như độc-giả bài « L'ingénieuse amitié » đã tả, thì thật là nhầm vậy.

Cái nhầm đó, có thể phương hại cho luân-lý nước nhà, nếu các bạn hiếu học cứ tin liều ở sách, không suy đi xét lại cho kỹ càng. Lại nhất các độc-giả ngoại quốc xem bài văn đó, tránh sao khỏi nhận lầm tình thần luân lý nước ta.

Còn nữa)

HIỆP SƠN TƯ SĨ

1) Một nhà trung-thần ở đời Chiến-quốc bên Tàu

2) Hiệu ông Văn thiên-Tường làm quan lễ triều nhà Tống bên Tàu, nhất định không thèm khuất với nhà Nguyên, chịu chết, có làm bài « Chính khí ca » tỏ chí mình. Vua Nguyên cảm phục khen là « Thật đáng làm trai » chân nam tả.

3) Người làng Vĩnh trị huyện Hoằng-hóa (Thanh-hóa Trung-kỳ) đỗ tiến sĩ năm kỷ sửu đời Cảnh-Hưng 30 (1769), năm bính-ngọ (1786), binh Tây-sơn ra bắc, ông khởi quân cần vương hộ vệ kinh thành, sau phải bắt, không chịu khuất, lúc lâm hình, đọc bài thơ có hai câu này.

4) Phạm-đình Hồ tục danh là Chiêu Hồ tên chữ là Tĩnh Trực hiệu là Tùng-Niên, vốn dòng dõi người làng Đan-Loan huyện Đường an (nay là Bình giang, Hải-dương), văn chương có tiếng trước thật nhiều, làm quan đến chức tế-tửu Quốc tử giám

5) Nguyễn-án tên chữ là Kính Phủ hiệu là Ngu-Hồ (1770-1815), người làng Du lâm huyện Đông-ngàn (Bắc-ninh), đỗ Hương-cống, khoa đinh mão, Gia-Long thứ 7 (1808), bổ tri-huyện Tiên-minh, được 7 năm bị bệnh mất. Hiếu học thông-minh, văn chương nổi tiếng,

6) « Dịch phẩm Chinh phụ ngâm » của Hoa-Bằng Tri-Tân số 1184 28 9-43

Bà thị Điểm chưa định rõ là họ Nguyễn hay họ Đoàn, mỗi sách nói một khác.

Chinh Phụ ngâm, quốc văn, hiện nay lưu hành trong dân gian có 2 bản;

Một bản dài, các nhà học-giả thường văn đem ra chú thích. Bắt đầu có 2 câu:

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi.
Khách mã hồng nhiều nỗi chuân-triên. »

Một bản ngắn, đã có in bản, chỉ để có hai chữ « Chinh phụ » ít người đọc. Bắt đầu có những câu:

« Giời đất một vừng.
Bắc Nam đôi ngả
Phấn hồng nhạn buồn bã xiết lo
Chàng từ bể Sở sông Ngô
Lấy ai coi sóc sớm chưa việc thường
Chàng từ vâng mệnh quân vương
Cờ mao thẳng trỏ lên đường rời ngay.

Không rõ bản này của ai. Xem không hẳn là dịch bài Hán văn của ông Đặng Trần-Côn, nhưng cũng thoát cả ý bài đó.

Vậy ai là dịch giả, tác giả hai bài trên?

Bà Nguyễn-thị-Điểm, Đoàn-thị Điểm hay ông Phan huy Ích?

7) Tam tự Kinh.

8) Tục truyền truyện Lưu Bình Dương Lễ về đời hậu Lê, nhưng chưa khảo được rõ về đời nào.

Sử bút đời nay

(*Tiếp theo trang 8*)

Lê Quang-Bí làm tập thơ vịnh « *Cổ hương chư tiền bối* » (các bậc tiền bối ở cố hương), chứ không phải « Vịnh cố hương chi tiền bối ».

Ông cử Tau đỗ tên là Đặng Hồng-Chấn, chứ không phải là Đặng hồng Thấn. Thưa bác ông biên-soạn giả và sản-nhuận giả, sở dĩ có sự lầm ấy là vì chữ « Chấn » (震) hơi giống với chữ « Thấn » (辰).

Đó là tôi mới đọc sơ mấy trang, cứ chỗ sở kiến mà nói thôi ra mong hai ông cho sửa lỗi để khỏi làm lầm độc-giả.

TRẦN QUANG

T. Q chữa. (Nay là chàng Tiên gần thuộc tỉnh Hải-ninh.

BÍA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 79

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

13. — **Trần-xuân-Vinh**, người xã Năng-lự huyện Mỉ lộc, phủ Thiên trường (nay Xuân-trường thuộc Nam-định), trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ tiến-sĩ khoa kỷ-mùi 1499, Làm quan đến đô-cấp-sự trung. Sau bị tội phải xử giảo (thắt cổ) (*Đăng khoa lục*, q. 1 tờ 47 b; *Đăng khoa bị khảo*, q Sơn nam, tờ 86 b).

14. — **Lê-tán-Tương**, người xã Thượng-cốc, huyện Lôi-dương, phủ Thiệu-hóa. tỉnh Thanh-hóa. *Đăng khoa lục* (sách in, q 1, tờ 48 a) chép năm 18 tuổi đỗ nhị-giáp khoa kỷ mùi 1499, *Đăng khoa bị khảo* (sách viết, q. Thanh-hóa, tờ 20 a-b) chép đỗ năm 21 tuổi. Năm tân-mùi 1511 trong đời Hồng-thuận, ông thăng Hộ-bộ hữu-thị-lang. Đến mùa hạ năm ất-hợi 1515, thăng Lại-bộ hữu-thị-lang. Làm quan dần dần đến Công-bộ thượng-thư, vào hầu tòa Kinh-điện, tước Ván-phú hầu, phong Khiêm-cung công-thần, tri sĩ, thọ hơn 70 tuổi. Ông là em ông Lê-tán Thiện, đỗ tam-giáp cùng khoa 1499, hai anh em cùng làm đến thương-thư. Là ông nội ông Lê-trạc-Tú, đỗ đầu chế-khoa năm 1577. Chế-khoa là một khoa thi riêng, cũng như khoa thi tiến-sĩ, nhưng tự vua ra đầu bài và vua chấm thi; gọi là chế-khoa, vì chế có nghĩa là lời nói của vua.

15. — **Nguyễn-Vũ**, người làng Nghĩa-lộ, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến hữu-thị-lang, vào hầu tòa Kinh-điện, kiêm Quốc tử-giám tư-nghiệp. Là con Nguyễn-Tông, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1463, là ông nội Nguyễn-Thước, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1547 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 a; *Đăng khoa bị khảo* q. Sơn-nam, tờ 35 b).

16. — **Phạm-nguyên-Chấn**, người làng Hải-trào, huyện Ngự-thiên, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn-nam, làm nhà ở làng Thanh-nhàn huyện Kim-hoa. Năm 18 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến Thiêm-đô ngự-sự. Là cháu gọi Phạm-đôn-Lễ bằng bác hoặc chú; Phạm-đôn-Lễ đỗ trạng-nguyên khoa 1481 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 a; *Đăng khoa bị khảo* q. Sơn-nam, tờ 88 b).

17. — **Đàm-thận-Giản**, người xã Ông-mặc, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-Sơn, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Năm 34 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến Hộ-bộ tả-thị-lang, lúc mất truy-tặng Công-bộ thượng-thư. Là em ruột Đàm-thận-Huy, đỗ tam-giáp khoa 1490: anh em đồng triều. Là bác Đàm-Cơ, đỗ nhị-giáp khoa 1538 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 32 a).

18. — **Phạm-quan-Tán**, người xã Man nhuế, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 26 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến tham-chính. Sinh ra Phạm-y-Toàn đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1589. Là ông nội Phạm-phúc-Khánh, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1623, ba đời kế tiếp nhau đỗ đại-khoa (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 61 b).

19. — **Chu-Văn** (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 2 a, chép là Chu-tông-Văn; có lẽ chữ tông là quốc-huý triều Nguyễn, nên *Đăng khoa lục*, bản in bỏ đi), người làng Đạ sĩ huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa 1499. Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ. Năm đinh-mão 4507, hiệu Đoan-khánh, đang làm chức Đông-các hiệu-thư, sung chức phó-sứ sang mừng vua Tàu lên ngôi. Về việc đi sứ này, *Khâm-định Việt-sử* (q. 25, tờ 24 a-b) chép rằng: « Trước năm đinh-mão 1507, nhà Minh sai Hàn-lâm-Viện biên-tu là Tăng Đạc và Lại khoa cấp-sự-trung là Trương-hoằng-Chí sang ta báo tin về việc Vũ-tông nhà Minh lên ngôi và tặng lụa mùi; Hành-nhân-ty hành-nhân là Hà-Lộ sang dự tế vua Hiến-tông nhà Lê; Hàn-lâm-viện biên-tu là Thẩm-Đảo và công-khoa cấp-sự-trung là Hứa-thiên-Tích đem sách, phong Lê Uy-mục làm An-nam quốc-vương và tặng áo mũ bằng da, Thiên-Tích ra mắt Lê Uy-mục để, có làm câu thơ rằng: « An-nam tứ bách vạn vưu trường, thiên ý như hà giáng quỉ-vương? » nghĩa là 400 năm vận nước An-nam càng dài, ý giời làm sao giáng quỉ-vương? Đến năm 1507 vua Lê Uy-mục sai Hộ-bộ tả-thị-lang là Dương-trực-Nguyên và Đông-các hiệu thư là Chu-Văn, Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Đinh-Thuận sang mừng vua tàu lên ngôi;

Hồng-lô-tự thiếu-khanh là Nguyễn-Thuyên dâng hương; Công-bộ hữu-thị-lang là Nguyễn-Đảo và Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Doãn-mậu-Khôi, Hộ-khoa cấp-sự-trung là Lê-đình-Chi sang Tàu tạ về việc dự tế; Thanh-hóa thừa-chánh-sứ là Lê-Tung, Hàn-lâm-viện kiểm-thảo là Đinh-Trinh và giám-sát ngự-sử là Lê-hiếu-Trung sang tạ về việc sách phong; Nghệ-an tham-chánh là Lê-Uyên, Hàn-lâm-viện hiệu-úy là Ngô-Tuy, giám-sát ngự-sử là Hoàng-Nhạc sang sứ về việc tuế-cống ».

20. — **Nguyễn-đoan-Kính**, người xã Tiền-liệt, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên. Là anh Nguyễn-văn-Thái, đỗ thám-hoa khoa 1502, là ông nội Nguyễn-tự-Cường, đỗ tam-giáp khoa 1604 (*Đăng khoa lục*, q. 1 tờ 48 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 49 a).

21. — **Dương-phấn-Phi**, người xã Dương-tuyền, huyện Tây-lan (Tây-quan), tỉnh Sơn-tây. Đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây tờ 80 a).

22. — **Phùng-Đốc**, người làng Nguyễn-xá, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây. Năm 34 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1499. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây, tờ 39 a-b).

23. — **Vũ-Châu**, người làng Dị-sử, huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa 1499. Bắt đầu làm quan Hàn lâm hiệu lý, năm giáp-tị (1504) hiệu Thái-trinh, sung chức phó-sứ sang nhà Minh cầu phong. Làm quan đến hữu-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 2 a). *Đăng khoa lục* (q. 1, tờ 48 b) chép làm quan đến Hàn-lâm viện hiệu-lý.

24. — **Nguyễn-Thản**, (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 56 a, chép là Nguyễn-Hằng; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b, chép là Nguyễn-Thản), người làng Cao-mật, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam (nay phủ Thanh-oai, thuộc tỉnh Hà-đông). Đỗ nhị-giáp khoa kỷ mùi 1499. *Đăng khoa bị khảo* chua một câu rằng: « Vốn đáng đỗ trạng-nguyên, vì có chữ bỏ trống nên bị truất xuống cuối đệ-nhị giáp ».

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đã có bán về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê của Nam-Cao giá 2$00.

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt-Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm của Nam-Cao.**

VUI XUÂN

Tức Hoa-Mai số Tết của Ngô-Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mùa Xuân của Thế-Hưng giá 0$30

Nhà xuất-bản Cộng-Lực N° 9 Rue Takou — Hanoi

LÝ-THƯỜNG-KIỆT

(Tiếp theo trang 7)

Trang 78, tác-giả chép: « Sau khi quân Lý tấn công đã có người ngấm-ngầm nội ứng ». Câu ấy tác-giả lấy ở đâu ra, không thấy dẫn chứng? Thế là sai với phương-pháp khoa học, vì đã là khoa-học, thì phải đủ chứng cớ rõ ràng, không khi nào lại đoán phỏng như thế được, và phương-ngôn ta cũng có câu « học có sách, mách có chứng », nay tác-giả đem lý thuyết gán cho người ta như thế, chính là « quá chủ quan ».

Còn nhầm nhiều nữa, để tác-giả tự xem lại sử mà cải chính lấy. Nay tôi dịch sử chữ nho của ta ra để độc-giả so-sánh, và để tác-giả xem có phải sử ta theo « phương pháp quá chủ quan từ đời phong-kiến còn lại » hay không.

Những đoạn sử chữ nho dịch ở dưới này toàn là sử ta, tôi không dịch sử Tàu để đối chiếu, là có ý để độc-giả biết cái phương pháp làm sử của ta chính là khách-quan ngay từ đầu, không hồi nào là chủ-quan cả.

Lý-thường-Kiệt người ở phường Thái-hòa, thành Thăng-long (*Khâm-định Việt sử*, q. 3, tờ 34 b) Lúc nhỏ là người dung-mạo đẹp-đẽ, tính thân (tức là cắt dương sự) để sung chức Hoàng môn chi-hậu, hầu vua Lý Thái-tông (1028-1054), dần dần thăng đến chức nội-lệ tỉnh đô tri.

Năm kỷ-dậu 1069 là năm thứ hai hiệu Thiên huống bảo-tượng, vua Lý Thánh-tông (1054-1072) đi đánh Chiêm thành. Lý-thường-Kiệt sung làm tiền phong tướng-quân, có công được thăng Phụ-quốc thái phó, đạo thụ tiết độ các trấn (ở xa tỉnh chức gọi là đạo

thuộc chức Đồng trung-thư môn-hạ, thượng-trụ-quốc, Thiên-tử nghĩa-đệ, thượng tướng-quân, tước khai-quốc - công (*Ngự chế Việt sử tổng vịnh*, q. 7, tờ 4 b).

Năm ất mão 1075 là năm thứ tư hiệu Thái ninh, Chiêm-thành xâm nhiễu ngoài biên, vua Lý Nhân tông (1072-1127) sai Lý-thường-Kiệt đi đánh, không được. Thường Kiệt lên xem hình thế núi sông ở châu Bố - chánh, Địa lý (Quảng bình) và Ma linh (Quảng-trị), vẽ thành bản đồ đem về (*K. đ*, q. 3, tờ 34 b)

Cùng năm ấy (1075) khoảng tháng 9 tháng 10, đổi châu Địa-lý làm châu Lâm bình, châu Ma-linh làm châu Minh linh, chiêu-dụ lưu-dân đến ở, phong Lý-thường-Kiệt làm thái úy (*Đại-Việt sử-ký*, bản-kỷ, q. 3, tờ 16 a).

Khi ấy ở bên Tàu, Vương-an-Thạch cầm quyền chính, muốn cầu công ở chốn biên-cương, tâu với vua Tống, cho là nước Nam ta mới bị Chiêm-thành đánh thua, những quân sống sót không đầy một vạn, có thể lấy được, trì châu châu - Ung Tiêu - chú đón biết ý An-Thạch, mới dâng thơ nói. « Giao-châu tuy theo triều cống, nhưng thực hai lòng, nếu nay không lấy đi, tất làm cái lo về sau. » Vua Tống tin lời, xuống chiếu cho Tiêu - chú đồng đương việc ấy. Tiêu-chú lấy làm khó-khăn, gặp bấy giờ có chức Độ-chi. Phán - quan là Thẩm - Khởi. Thẩm-Khởi dâng thơ nói ; « Giao-châu không có lý gì không lấy nổi. » Vua Tống bèn cho Thẩm-Khởi ra trì châu châu Quế, Khởi theo ý-chỉ của An-Thạch, chuyên việc đánh phá và xâm nhiễu biên-cương, ngầm sai quân nam - động, sửa sang thuyền bè, tập thủy chiến, để làm mưu kế đánh nước ta. Lại chứa Nùng - thiện-Mỹ cho ẩn ở đất Tàu. Vua Tống cho như thế, là tại Thẩm-Khởi gây việc hiềm-khích. Liền bãi Thẩm-Khởi, cho Lưu-Di đến thay, Lưu-Di lại thiên - bịnh những lời quân-sĩ, cho là nước ta có thể lấy được, muốn sinh sự để làm cớ khởi binh, cấm châu huyện không được buôn-bán đồ binh với ta. Vua ta lại đưa thơ đòi giả Nùng-thiện-Mỹ và bảy trăm thuộc - đồ, Lưu-Di dìm thơ ấy, không tâu Vua Tàu. Vua ta giận lắm, sai Lý-thường-Kiệt và Tôn Đản đem hơn mười vạn quân, chia ba đường sang đánh Tống : Một đường từ Phủ Quảng-châu, một đường từ khâm-châu, một đường từ cửa ải Côn-luân, Thường-Kiệt đem quân hiền, hãm được châu Khâm, châu Liêm, giết 8.000 quân Tống (*K. đ.*, q. 3, tờ 35b). Sử-ký của ta (q. 3, tờ 14a) và Cương-mục của Tàu (q 7, tờ 7 a) đều chép « giết thổ-đinh (dân bản-thổ) 8.000 người. »

Lúc bấy giờ quân Tôn - Đản đến đánh châu Ung, Chức Độ-giám tỉnh Quảng-tây là Trương-thủ - Tiết đem quân đến cứu, Thường-Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn-luân (ở Phía đông bắc huyện Tuyên - hóa Phủ Nam - ninh, tỉnh Quảng - tây), quân Tàu thua to, quân Thường-Kiệt chém Thủ-Tiết tại trận. Vua Tống nghe việc ấy, bắt tội Thẩm-Khởi đầy ra Đình-châu yên-trí mà xóa tên Lưu Di ở trong sổ làm quan, (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3. tờ 35 a-b và *Sử ký bản kỷ*, q. 3, tờ 14 a-b ; Ngự-chế Việt-sử tổng - vịnh, q, 7, tờ 5 a). Đoạn này *Sử-ký toàn-thư* chép vào tháng 2 năm ất-mão (1075). *Khâm-định Việt-sử* (q. 3, tờ 36 a) có mục cẩn-án rằng : « Cựu-sử chép tháng 2 năm ấy (1075) Thường-Kiệt đánh Tống hãm châu Khâm-châu Liêm, Tôn - Đản vây châu Ung hơn bốn - mươi ngày.. Nay cứ sách *Cương - mục lục-biên* của Tàu chép « năm Ất-mão. (1075) mùa đông tháng 11, Giao-chỉ cất đại quân vào cướp, hãm châu Khâm, châu Liêm, năm Bính-thìn (1076 mùa xuân tháng giêng, hãm châu Ung » Vậy thì việc đánh Tống bắt đầu từ mùa đông năm 1075, hãm Khâm, Liêm vào tháng 11 ta, hãm châu Ung vào tháng giêng ta năm sau (1076). Cựu-sử chép nhầm nay cải chính. »

(Còn nữa)

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG
(Histoires extraordinaires)
của Edgar Poë
Bản dịch của Mộng Huyền
Giá 4$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC
của NG. HƯNG PHẤN
Giá 2$20

TRIẾT HỌC ARISTOTE
của NG. ANH NGHĨA
Giá 3$80

LY TAO
của KHUẤT NGUYÊN
Giá 6$00
Bản dịch của Nhượng Tống
Sắp có bán

Chính Trị Đại Cương
của NG. PHƯƠNG NAM
NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 4)

Tháng 7 năm ấy (858), dân châu Giao khởi loạn, nhân nửa đêm đánh trống reo hò vào vây Phủ - thành, nói rao lên rằng : « Kinh-lược-sứ là Chu - Nhai sai huy hạ gọi là hoàng - đầu - quân (quân đầu vàng) vượt bể đến đánh úp, xin đưa đô-hộ về Tàu, ta đóng đồn thành này để chống cự quân hoàng-đầu » Vương - Thức đương ăn, có kẻ khuyên Thức tránh đi, Thức nói rằng : « Ta nhắc chân, thì quân trong thành tan hết ». Rồi thong thả ăn xong, mặc áo giáp đem tả hữu lên thành, dựng cờ đại - tướng, rồi ngồi nói phải trái, những quân làm loạn lại yên, sáng hôm sau bắt giết hết những quân khởi loạn.

Châu Giao bấy giờ đói kém, loạn lạc, đến sáu năm không cung cấp người Tàu, trong quân không khao thưởng. Vương-Thức bây giờ mới sửa soạn lệ cống-chức, khao thưởng quân-sĩ, nước Chiêm-thành Châu-lạp, lại sai sứ thông-hiếu, và giả lại những người dân châu Giao đã bắt (Trên này dịch theo *Khâm-định*, Tiền biên, q. 4, tờ 37 b 38 a và 38 b, đầu *Đường thư* và *An-nam kỷ-yếu*).

Còn *Đại-việt sử-ký* Tiền biên, (q. 6, tờ 14 a và b) *Sử-ký toàn-thư* (q. 5, tờ 9 a và 9 b), *Việt-kiều thư* (q. 4, tờ 11 a và 11 b), *An-nam chí nguyên* (q 2, trang 160) đều chép như sau này :

Trước kia đô-hộ là Lý - Trác, chính sách tham-lam dữ-ác, mua bán ở chợ, thường lấy ép một con trâu một con ngựa, chỉ giả một bộc muối, lại giết tù-trưởng là Đỗ - tồn - Thành, các bọn khác đều ta - oán, dẫn người Nam - Chiếu đến xâm lấn chỗ biên - giới. Của Nam-Chiếu là Phong Hựu sai tướng là Đoàn-tù-Thiên đến hãm lấy An-nam đô-hộ-phủ, gọi là Bạch-ỷ một ninh quân.

An-nam có người ở Đào-lâm, châu Phong, ở động Thất - quán, thuộc Lâm-tây, tù lĩnh là Lý do-Độc trông coi, lâu năm có quân đóng ngoài biên, gọi là Phòng-thủ hoặc phòng đông, thường giúp Trung - quốc thu thuế má. Người coi châu Phong nói với Trác, xin triệt quân thủ ngự, chuyên giao cho Lý do-Độc trông coi. Từ bấy giờ thế của Do Độc càng ngày càng kém. Không thể tự-lập được : tiết-độ-sứ của Thác - đông thuộc nước Nam - Chiếu, đưa thư triệu Do độc, rồi đem con gái gả cho con Do-độc, bổ chức ở Thác-đông Thác-nha, Do-Độc bèn đem quân-chúng theo bọn Man. An - nam mới có cái tai-vạ ở ngoài biên-giới.

Tháng 5 năm ấy 858 quân Man lại ăn cướp, Vương - Thức đuổi được. Mùa thu tháng 7 năm ấy (858) có bọn ác-dân thường khởi loạn, nói rao lên rằng : « Kinh-lược-sứ là Chu-Nhai (lúc bấy giờ ở Quảng-Châu), sai huy-hạ gọi là hoàng đầu quân (đội mũ vàng, nên gọi là quân đầu vàng) vượt bể lại đánh úp quân ta, cùng nhau nửa đêm vây thành Giao-chỉ, đánh trống reo xin đưa đô-hộ (Vương Thức) về Tàu, ta muốn đóng ở thành này, để chống nhau với quân hoàng-đầu ». Thức đương ăn cơm, có người khuyên Thức tránh đi, Thức nói rằng : Ta nhấc chân lên, thì quân giặc tan », cứ thong thả ăn xong bữa cơm, mặc áo giáp đem tả hữu lên thành, dựng cờ đại-tướng, rồi ngồi trách mắng, những quân khởi loạn lại chạy. Sớm hôm sau bắt giết hết cả. Lúc bấy giờ kém đói luôn, sáu năm không nộp thuế quan trên, trong quân không khao thưởng. Thức mới sửa soạn cách thức cống hiến nộp thuế, khao thưởng quân sĩ, nước Chiêm thành Chân lạp đều lại thông sứ.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐÓN COI :

sau tiểu thuyết Cháy Cung Chương Võ sẽ đăng tiếp :

I — AN TƯ
AN TƯ
AN TƯ

***

II — AN TƯ, một tuyệt tác của Nguyễn huy Tưởng một công trình đồ sộ, một sự cố gắng để đi đến một tác phẩm hoàn toàn, đứng đắn. An Tư hay là một tiểu thuyết có tính cách anh hùng ca, sẽ đăng sau CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ.

***

III — Các bạn đón coi AN TƯ, nàng công chúa đẹp như hoa, cảnh ngộ như Iphigénie, sự tích như Tây Thi, bật nổi giữa những anh hùng cứu quốc và 50 vạn quân Mông-cổ xâm-lang. Bằng ngòi bút linh động, tác giả làm sống lại thời kỳ vẻ vang nhất trong quốc sử, trình bày những nhân vật kỳ kiệt, nêu rõ tinh thần và sinh lực giống nòi, mà đại biểu chính là dân chúng vô danh, ồn ào và quyết liệt, động cơ duy nhất trong công cuộc trùng hưng đời Trần.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÀY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 22

CHU-THIÊN

Tên lính vẫn quỳ vẫn lễ phép thưa :

— Thấy công-tử mải vui chơi là một, không nhận rõ kẻ thù là ai, tiểu-tốt vẫn ấy nay thay công-tử hai điều đó.

— Chú nói lạ nhỉ ! Khỏi sự đánh kẻ thù binh còn ít, tướng không đủ, phải đợi luyện chứ. Trong khi ấy mà ta không đi thăm rừng thăm núi, xem thiên thời, xem địa lợi, xem lòng người, thì chú bảo ta ngồi ủ dũ mà chết à ! Còn bảo kẻ thù ta không nhận rõ, thì chú nói ý thế nào ta không hiểu.

Người lính lắc đầu nói :

— Kẻ thù ở ngay cạnh vách, mà công tử không biết, tiểu-tốt cũng cho là một sự lạ. Tiếc cho tiên-vương ngày trước...

Không để họ hắn nói hết câu, công-tử Đoàn-Vân nổi nóng, tuốt kiếm toan chém. May lúc ấy, Kim-Vân công chúa vừa ở trong điện đi ra liền chạy đến can xin, hỏi rõ đầu đuôi, và đuổi tên lính kia chạy vội đi. Chàng kể qua lại cho công-chúa nghe, và vẫn còn hầm hầm giận dữ, giậm chân quát :

— Ta phải giết nó đi mới được nó nói láo !

Kim-Vân công-chúa hết sức van xin :

— Chấp làm gì nó. Nó là phận hèn hầu hạ, biết thế nào được việc của mình...

— Nhưng mà nó nói láo... rồi mang tiếng cả ! Phải giết.

Thôi xin anh nguôi giận. Nó có nội thế ra nữa, cũng là vì nó tức anh nhân rỗi hay đi dong chơi. Thôi tha cho nó, chấp làm gì !

Thấy Đoàn công-tử vẫn một mực khăng khăng như vậy, không thuần nét mặt lại, công chúa sợ phải cho người về tâu với vua Chương-Võ. Ngài vội vàng chạy ra xét bởi rõ sự thể, khuyên xin Đoàn công tử, dìu giắt chàng về cung và truyền tha tội cho tên lính. Nhân việc ấy, ngài lại càng thêm tin cậy ở chàng lắm.

Tin ấy đồn ra hòa với tin giết người trước làm cho khắp cả các thần dân miền Bắc tôn thờ vua Chương Võ, đều kính phục Chàng, trọng tài thông minh xét đoán ở chàng. Đã quý mến chàng, nay họ lại quý mến gấp bội, quý mến đến tôn thờ, và họ mừng chàng rất xứng đáng được lấy công chúa Kim-Vân. Thật là đôi lứa thần tiên. Nhưng còn những người miền Đông, tức giận vì Vua Chương Võ xui giục Đông hải đại vương đánh giặc, để ngài phải thiệt thân, được tin ấy bao nhiêu mong-mỏi ở chàng, họ đều để tiêu tán hết, họ không ưa chàng, đến khi ghét bỏ nữa. Và họ tin không thể nào còn bàn bạc với chàng được điều gì nữa, rồi họ quên chàng dần, quên tưởng chàng không còn có trên cõi đời này nữa. Nhưng chỉ trong dân gian thế thôi. Còn ở các hàng quân - sĩ, ở các bậc tráng sĩ, các tướng tá giúp việc Đoàn Đông hải đại vương trước, ai cũng đều nhớ đến chàng, cũng còn tin mong ở chàng. Họ thấy chàng mải vui chơi với Kim Vân công chúa mà quên cả thù, bỏ cả nghĩa họ vừa tức vừa lo lắng cho cái thanh danh chàng sau này, nên họ vẫn mong ở dịp cảnh tỉnh chàng, và họ giao cho một bạn chuyên ở quanh Thành đình đón chàng để khuyên can chàng, đánh thức chàng và thúc giục chàng.

Công việc ấy họ nhờ đến những quân lính trung thành cảm-tử đã làm việc lâu năm dưới trướng Đông hải đại Vương hay dưới quyền các bậc tráng-sĩ đại danh. Những người ấy đã cố công bền chí dinh dội mà phần nhiều không được gặp, hoặc gặp đều bị đuổi và dọa giết như hai người trước kia. Tuy vậy họ vẫn không nản lòng, lấy công việc làm trọng, nghĩa làm lớn họ vẫn vui vẻ đợi dịp quyết làm cho kỳ được việc. Thế nên một hôm Đoàn công-tử vừa phóng ngựa ra đến chân núi Chè, thì một người lính phóng ngựa đuổi theo vừa gọi :

— Công - tử ! Thưa công tử. Dừng lại cho tiểu-tốt chúc tụng và dâng một đôi lời !

Chàng ghìm cương dừng lại. Tên kia phóng vụt lại và hoãn ngựa.

nhảy tọt xuống, lậy chào. Đoàn công tử cau-có hỏi :

— Anh hỏi gì ?

Người lính đứng gãi tai thưa :

— Bẩm công-tử, công-tử quên tiểu-tốt, mà công tử chóng quên cũng phải.

Đoàn Văn giận dữ quát :

—Thằng này láo, hỏi gì nói mau không ta chém!

Chàng tuốt kiếm ra, nhưng người lính vẫn tươi tỉnh không lộ vẻ sợ hãi nói :

— Bẩm công-tử, công-tử quên tiểu tốt, cái ấy không sao. Nhưng quên nghĩa cả thù sâu, nên tiểu-tốt cần phải nhắc. Người đã tin thờ trung nghĩa có khi nào sợ chết.

Đoàn-Văn chừng chừng nhìn người lính và nói :

— Ta quên hay nhớ anh biết được à? anh đến đây nói láo ?

— Bẩm công-tử, nhờ ơn đức tiên vương, tiểu-tốt thiết tưởng phải có phận sự theo giúp công-tử và nhắc công-tử nhớ lại... Vả tiểu-tốt còn mang theo mệnh lệnh của nghĩa-sĩ Vân-côi!

— Nghĩa-sĩ Vân-côi sai anh đến! Đến để mà giở trò ra như thế à? Anh khôn hồn thì về đi! Về bảo với nghĩa-sĩ là ta không cần phải ai nhắc cả ?

— Tiểu-tốt không về! Một khi công-tử chưa nghĩ đến thù nhà...

— Anh còn lôi thôi, ta chém chết ngay!

Giữa lúc ấy, công-tử Thịnh-Nguyên cũng cưỡi ngựa vượt đến, thấy vẻ mặt Đoàn-Văn đam-đam đỏ bừng, liền hỏi :

— Việc gì vậy anh ?

Đoàn-Văn không nói. Người lính kia điềm nhiên lên tiếng :

— Đoàn công-tử mải vui chơi quên cả nghĩa lớn. Mà công-tử Thịnh-Nguyên ở liền đấy cũng không biết can ngăn!

Đoàn-Văn nhảy xuống ngựa xông lại, Thịnh-Nguyên vội chạy cản công-tử lại, và quắc mắt mắng người lính :

— Anh không được nói láo!

Người này bây giờ mới hùng-hổ, tuốt kiếm ra xông lại hai chàng và nói rắn giỏi :

— Ta lại há sợ chết à? Ta chỉ thương các người cũng mang danh tráng sĩ mà lãng bỏ cả phận sự đi vui thú với sự an-nhàn, phụ cả kỳ-vọng của tiên-vương... Ta có cần gì sống để mà trông thấy những sự nhơ nhuốc ấy.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

do Quảng-Vạn-Thành *phát hành sắp in xong*

ĐỜI DOÀN-THỂ

của Hải-Tùng — « Tam Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục : 1· Tư-đức và Công-đức — 2 Cá-nhân và Xã-hội — 3· Xã-hội và các loại xã-hội — 4 Xã hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5 Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6· Vì đâu quan-niệm về xã hội của người Việt-Nam không được chính sác? — 7 Quan-niệm về xã hội không được chính-sác gây ra những tệ-hại gì? — 8· Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9· Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10· Tinh-thần hợp tác. — 11· Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12 Tinh thần chịu trách nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13· Tôn trọng việc công và của công. — 14· Giữ lễ — 15· Làm việc cho xã-hội. — 16· Lòng bác-ái. — 17· Đảng cơ-quan nào dựng nền công đức ở xã-hội ta. *Giá bán lẻ* **2$00**

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20·/. cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do *Quảng vạn Thành* phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cần bao nhiêu xin kịp viết thư thương-lượng, không lại nhỡ như quyển *Văn liệu Từ-điển* năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn. — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, mỗi công hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải nội quân-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cố tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do : **Quảng-Vạn-Thành**

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

Thư-xã Alexandre de Rhodes
ĐÃ XUẤT BẢN

BÓNG TRE XANH

của Kỳ-Tâm ĐỖ-THỤC VỊNH

Một cuốn tiểu-thuyết tả đời sống ở thôn-quê, đã được giải-thưởng GIA-LONG của hội ALEXANDRE de RHODES năm 1943.

Lời phê của Cụ Thượng Phạm : « Cuốn này dàn-xếp rất khéo, lời văn giản-dị, tự-nhiên, đọc lên thấy lý-thú và cảm động... »

Sách dày 180 khổ 12 × 19
Bản thường. . 1$50
Bản giấy Đại La... 6$00
cước... 0$47

Tổng phát-hành
MAI-LĨNH
21, rue des Pipes Hanoi

Sắp có bán

CỰC ĐÔNG

cổ sử

của Nguyễn đức Quỳnh

Nghiên cứu về lịch sử địa dư, kinh tế, chính trị của Trung quốc và AN ĐỘ

Đã có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của *NGUYEN BÁCH KHOA*

dày 400 Trang giá 6$00

Mua một cuốn gửi thêm 0$80 cước

Không bán lẻ hóa giao ngân

HÀN THUYÊN *71 Tiên Tsin — Hanoi*

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC
SỬ LƯỢC

của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại ;
Loại thường bán 6$00 cước 0$47
Loại đặc-biệt 15$00 cước . 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THỐNG SỬ
Giá 5$00

Sắp phát hành

Lược-luận về **PHỤ-NỮ VIỆT-NAM**
Luận-lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT**
LỊCH-SỬ BÁO-CHÍ hoàn cầu
NGHỆ-THUẬT và **DANH-GIÁO**

❖

mua sách, đặt sách, xin viết cho
M. LÊ VĂN HOÈ
16 bis Tientsin Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur - gérant : Nguyễn-Tường-Phượng
Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi